

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)



CÔNG TY CỔ PHẦN
SƠN HÀ SÀI GÒN

Số: 21/2025/BCTN-SHA
No: 21/2025/BCTN-SHA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2025
HCM City, day 17 month 04 year 2025

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT Thường niên năm 2024 /Year 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: - Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN/Son Ha Sai Gon Joint Stock Company**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.:0307526635
- Vốn điều lệ/Charter capital: 334.466.750.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/ 334.466.750.000 VND (Three hundred thirty-four billion, four hundred sixty-six million, seven hundred fifty thousand VND).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 334.466.750.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/ 334.466.750.000 VND (Three hundred thirty-four billion, four hundred sixty-six million, seven hundred fifty thousand VND).
- Địa chỉ/Address:292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn , Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh , Việt Nam/ 292/5 Hamlet Tam Dong 2, Thoi Tam Thon Commune, Hoc Mon District, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Số điện thoại/Telephone:(84-28). 37100101
- Số fax/Fax: (84-28). 62511989
- Website: <http://www.sonhasg.com.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): SHA
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
 - ❖ Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tiền thân là Chi nhánh Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4112015079 ngày 27 tháng 05 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp/ Son Ha Saigon Joint Stock Company, formerly known as Son Ha Mechanical Metal Company Limited, operates under business

registration certificate No. 4112015079 dated May 27, 2004 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

- ❖ Năm 2009, Chi nhánh Công ty TNHH Cơ khí Sơn Hà chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH MTV và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104008417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 03 năm 2009/ *In 2009, Son Ha Mechanical Company Limited Branch converted to a one-member LLC model and operated under Business Registration Certificate No. 4104008417 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on March 4, 2009.*
- ❖ Năm 2010, Công ty chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH Sơn Hà Sài Gòn sang Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307526635 ngày 22 tháng 12 năm 2010/ *In 2010, the Company converted its model from Son Ha Saigon Company Limited to Son Ha Saigon Joint Stock Company, operating under business registration certificate No. 0307526635 dated December 22, 2010.*
- ❖ Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 21 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty/ *During its operation, the Company has been granted 21 additional and changed Business Registration Certificates by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City to suit the Company's operations.*
- ❖ Trải qua hơn 19 năm hình thành và phát triển, từ một nhà máy sản xuất bồn chứa nước Inox, Sơn Hà Sài Gòn đã định hướng chiến lược phát triển đầu tư mở rộng vào công nghệ sản xuất Bồn nhựa. Đến ngày nay, Sơn Hà Sài Gòn đã trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất bồn nước tại Việt Nam. Các sản phẩm này được bán cho người sử dụng cuối cùng hoặc bán cho các doanh nghiệp sử dụng các sản phẩm này phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh của họ/ *After more than 19 years of establishment and development, from a factory producing stainless steel water tanks, Son Ha Saigon has oriented its development strategy to invest in expanding plastic tank production technology. To date, Son Ha Saigon has become one of the leading companies in the field of water tank production in Vietnam. These products are sold to end users or to businesses that use these products to serve their production and business processes.*
- ❖ Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hiện đang tiến hành sản xuất kinh doanh tại địa điểm : Văn phòng và nhà máy sản xuất tại: 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh/ *Son Ha Saigon Joint Stock Company is currently conducting production and business at the location: Office and factory at: 292/5 Tam Dong 2 Hamlet, Thoi Tam Thon Commune, Hoc Mon District, Ho Chi Minh City.*

Một số mốc thời gian và sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty/ *Some important milestones and events in the formation and development of the Company:*

Năm 2004/ Year 2024	Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH Cơ Kim Khí Sơn Hà theo Giấy CNĐKKD số 4112015079 ngày 27/05/2004 Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh/ <i>Establishment of Son Ha Mechanical Metal Company Limited Branch according to Business Registration Certificate No. 4112015079 dated May 27, 2004, Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.</i>
22/12/2010	Chuyển Công ty TNHH Sơn Hà Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng/ <i>Convert Son Ha Saigon Company Limited into Son Ha Saigon Joint Stock Company with charter capital of 80 billion VND.</i>
10/11/2011	Chuyển địa chỉ Công ty từ 210 Lô B, Chung cư Sơn Kỳ, Đường CC2, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh về 292/5 Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh/ <i>Changed the Company's address from 210 Lot B, Son Ky Apartment, CC2 Street, Son Ky Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City to 292/5 Tam Dong 2 Hamlet, Thoi Tam Thon Commune, Hoc Mon, Ho Chi Minh City.</i>
11/05/2012	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đã chính thức trở thành Công ty đại chúng theo Thông báo số 1460/UBCK - QLPH ngày 11/05/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ <i>Son Ha Saigon Joint Stock Company has officially become a public company</i>

	<i>according to Notice No. 1460/UBCK - QLPH dated May 11, 2012 of the State Securities Commission.</i>
28/12/2012	<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ - SGDHN ngày 28/12/2012 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SHA/ Son Ha Saigon Joint Stock Company's shares were officially listed on the Hanoi Stock Exchange according to Decision No. 579/QĐ - SGDHN dated December 28, 2012 of the Hanoi Stock Exchange with the stock code SHA.</i>
21/11/2012	<i>Thành lập Công ty con Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Sơn Hà/ Establishment of Son Ha Industrial Company Limited as a subsidiary.</i>
22/10/2015	<i>Quyết định nhận chuyển nhượng vốn góp Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai/ Decision to accept the transfer of capital contribution of Son Ha Chu Lai International Company Limited.</i>
16/11/2015	<i>Phát hành thành công 10.000.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 180.000.000.000 đồng/ Successfully issued 10,000,000 shares, increasing charter capital from VND 80,000,000,000 to VND 180,000,000,000.</i>
27/09/2016	<i>Cổ phiếu SHA được HOSE chấp thuận niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HSX/SHA shares are approved by HOSE to be listed on the HSX stock exchange.</i>
30/11/2016	<i>18.000.000 Cổ phiếu SHA chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh/ 18,000,000 SHA shares officially listed on Ho Chi Minh Stock Exchange.</i>
09/11/2016	<i>Tăng vốn điều lệ Công ty từ 180.000.000.000 đồng lên 201.600.000.000 đồng/ Increase the Company's charter capital from VND 180,000,000,000 to VND 201,600,000,000.</i>
07/12/2017	<i>UBCKNN Chấp thuận chuyển đổi 5 triệu từ trái phiếu sang CP nâng vốn điều lệ Công ty lên 275.792.000.000 đồng/State Securities Commission approved the conversion of 5 million from bonds to shares, increasing the Company's charter capital to 275,792,000,000 VND.</i>
24/10/2019	<i>UBCK chấp thuận phát hành 2.757.920 cổ phiếu phát hành chi trả cổ tức nâng vốn điều lệ lên 303.371.200.000 đồng/ The State Securities Commission approved the issuance of 2,757,920 shares to pay dividends, increasing charter capital to VND 303,371,200,000.</i>
30/11/2020	<i>UBCK chấp thuận phát hành 1.516.856 cổ phiếu phát hành chi trả cổ tức nâng vốn điều lệ lên 318.539.760.000 đồng/ The State Securities Commission approved the issuance of 1,516,856 shares to pay dividends, increasing charter capital to VND 318,539,760,000.</i>
23/12/2021	<i>UBCK chấp thuận phát hành 1.592.699 cổ phiếu phát hành chi trả cổ tức nâng vốn điều lệ lên 334.466.750.000 đồng/ The State Securities Commission approved the issuance of 1,592,699 shares to pay dividends, increasing charter capital to VND 334,466,750,000.</i>

- Các sự kiện khác/ Other events: Không có/ Do not have.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

- ❖ Sản xuất thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại/ Manufacture of metal tanks, reservoirs and containers;
- ❖ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng/Wholesale of other construction materials and installation equipment;

- ❖ Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh/ *Retail sale of hardware, paint, glass and other construction installation equipment in specialized stores.*
- ❖ Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh/ *Retail sale of household electrical appliances, beds, wardrobes, tables, chairs and similar furniture, lamps and electric lighting sets, other household appliances not elsewhere classified in specialized stores.*
- ❖ Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (chi tiết: Sửa chữa thùng, bể chứa và dụng cụ chứa bằng nhựa hư, lỗi của doanh nghiệp sản xuất)/ *Repairing household appliances and equipment (details: Repairing damaged plastic tanks, containers and containers due to manufacturing errors).*

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

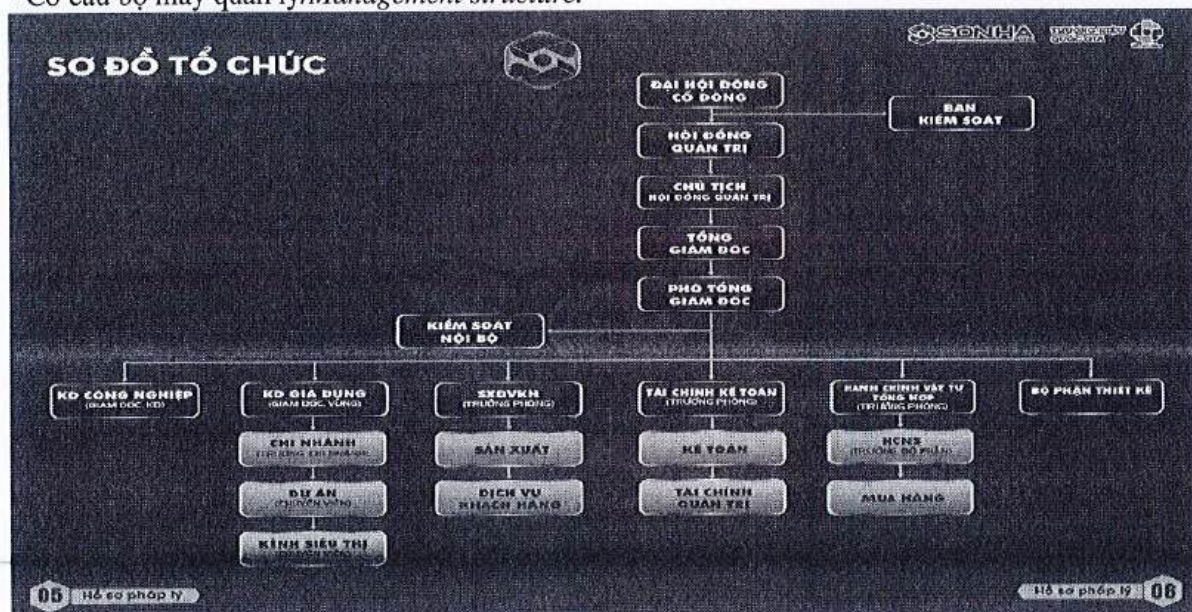
Địa bàn kinh doanh hoạt động kinh doanh của công ty từ Tỉnh Quảng Nam đến Tỉnh Cà Mau/ *The company's business operations are located from Quang Nam Province to Ca Mau Province.*

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/ *Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises).*

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khoá XIV nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và điều lệ Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua, Mô hình công ty hoạt động theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020/ *Son Ha Saigon Joint Stock Company is organized and operates under the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 approved by the 14th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020 and the charter of Son Ha Saigon Joint Stock Company was unanimously approved by the General Meeting of Shareholders. The company model operates according to Point a, Clause 1, Article 137 of the Enterprise Law 2020.*

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure.*



Đại hội đồng cổ đông/General Meeting of Shareholders:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty/ *The General Meeting of Shareholders is the highest decision-making body of the Company, comprising all shareholders with voting rights, and meets at least once a year. The General Meeting of Shareholders decides on matters stipulated by the Law and the Company's Charter. The General Meeting of Shareholders approves the Company's annual financial reports and the financial budget for the following year, elects and dismisses members of the Board of Directors and members of the Company's Supervisory Board....*

Hội đồng quản trị/ Board of Directors:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty quy định. HĐQT của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Năm 2021 Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu lại thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 3.

The Board of Directors is the Company's governing body, with full authority to decide and exercise the Company's rights and obligations on behalf of the Company, except for the authority of the General Meeting of Shareholders. The Board of Directors is responsible for supervising the CEO and other managers. The rights and obligations of the Board of Directors are stipulated by the Law, the Company's Charter, and the Company's internal regulations. The Company's Board of Directors has 05 members, each member's term is 05 years. In 2021, the Annual General Meeting of Shareholders will re-elect members of the Board of Directors for the 3rd term.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 3 (năm 2021-2026) gồm có/List of members of the Board of Directors for term 3 (2021-2026) includes:

Ông/ Mr: Lê Hoàng Hà	Chủ tịch Hội đồng quản trị, trúng cử ngày 27/04/2021/ <i>Chairman of the Board of Directors, elected on April 27, 2021</i>
Ông/Mr: Lê Văn Ngà	Thành viên Hội đồng quản trị, trúng cử ngày 27/04/2021/ <i>Board Member, elected on April 27, 2021</i>
Ông/Mr: Lê Văn Thành	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trúng cử ngày 27/04/2021/ <i>Independent Board Member, elected on April 27, 2021.</i>
Bà/Ms:Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trúng cử ngày 27/04/2021/ <i>Independent Board Member, elected on April 27, 2021</i>
Bà/Ms: Phạm Thị Uyên	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trúng cử ngày 27/04/2021/ <i>Independent Board Member, elected on April 27, 2021</i>

Ban kiểm soát/Board of Control

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp tại ĐHĐCĐ/ *The Board of Supervisors is an agency that operates independently from the Board of Directors and the Board of Management. The Board of Supervisors is elected by the General Meeting of Shareholders and, on behalf of the General Meeting of Shareholders, supervises all aspects of the Company's production and business activities, reporting directly to the General Meeting of Shareholders.*

Danh sách Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (năm 2021-2026) gồm có/ List of Board of Supervisors for term 3 (2021-2026) includes:

Ông/Mr Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát, trúng cử ngày 27/04/2021/ <i>Head of the Board of Supervisors, elected on April 27, 2021</i>
Bà/Ms Lê Hoàng Anh	Thành viên Ban Kiểm soát, trúng cử ngày 27/04/2021/ <i>Member of the Board of Supervisors, elected on April 27, 2021</i>
Bà/Ms Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên Ban Kiểm soát, trúng cử ngày 27/04/2021/ <i>Member of the Board of Supervisors, elected on April 27, 2021</i>

Ban Tổng Giám đốc/Board of Directors

Ban Tổng Giám đốc hiện gồm 2 thành viên do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động hàng ngày của Công ty; đề xuất các kế hoạch, chính sách, biện pháp, nội dung các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với HĐQT. Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và các nhiệm vụ do HĐQT giao, chỉ đạo, phê duyệt/ *The Board of Directors currently consists of 2 members appointed by the Board of Directors. The Board of Directors is responsible for managing all daily operations of the Company; proposing plans, policies, measures, and contents of the Company's production and business activities to the Board of Directors. Effectively organizing the implementation of the business plan approved annually by the General Meeting of Shareholders and tasks assigned, directed, and approved by the Board of Directors.*

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng/ List of members of the Board of Directors and Chief Accountant.

❖ Ban Tổng giám đốc/Board of Directors.

Bà/Ms: Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i> , Bổ nhiệm ngày 17/07/2020/ <i>Appointed on 17/07/2020</i>
Ông/ Mr: Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc/ <i>Deputy General Manager</i> Bổ nhiệm ngày 17/07/2020/ <i>Appointed on 17/07/2020</i>

❖ Kế toán trưởng/Chief Accountant.

Bà/Ms: Trần Thị Thu Hạnh	Kế toán trưởng/Chief Accountant. Bổ nhiệm 01/09/2022/ <i>Appointed on 01/09/2022</i>
--------------------------	---

Ban Kiểm soát nội bộ/Internal Control Board

- ❖ Kiểm soát toàn bộ các hoạt động của các bộ phận, phòng ban, các đơn vị trực thuộc trong Công ty tuân thủ theo các Quy chế, quy định hoạt động nội bộ và theo các quy định của pháp luật/ *Control all activities of departments, divisions, and affiliated units in the Company in compliance with internal operating regulations and regulations and with legal provisions/*
- ❖ Giám sát, đánh giá tính tuân thủ theo hệ thống của toàn bộ Công ty/ *Monitor and evaluate compliance with the entire Company's system.*

Ngành hàng công nghiệp/ Industrial sector:

Có trách nhiệm quản lý và kinh doanh các sản phẩm trong ngành công nghiệp bao gồm các sản phẩm: Ống thép Inox trang trí, ống thép Inox công nghiệp, Inox Tắm cuộn các loại/ *Responsible for managing and trading products in the industry including: Decorative stainless steel pipes, industrial stainless steel pipes, stainless steel coils of all kinds.*

Ngành hàng gia dụng/ Household goods industry:

Có trách nhiệm quản lý và kinh doanh các sản phẩm trong ngành hàng gia dụng bao gồm: bồn nước (inox và nhựa), chậu rửa, máy nước nóng năng lượng mặt trời (Thái dương năng)/ *Responsible for managing and selling products in the household goods industry including: water tanks (stainless steel and plastic), sinks, solar water heaters (Thai Duong Nang).*

Khối sản xuất và dịch vụ/ Production and service block :

Sản xuất/ Production

- ❖ Đảm bảo kiểm soát tính tuân thủ của toàn bộ các bộ phận sản xuất theo quy trình, quy định của Công ty/ *Ensure compliance control of all production departments according to the Company's processes and regulations;*
- ❖ Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn để đưa vào sản xuất/ *Check the quality of input materials, ensuring they meet the standards for production;*
- ❖ Kiểm tra chất lượng bán thành phẩm và thành phẩm trước xuất xưởng/ *Check the quality of semi-finished and finished products before leaving the factory;*
- ❖ Đảm bảo sự không phù hợp của hàng trả về là nhỏ nhất/ *Ensure that the non-conformity of returned goods is minimal;*
- ❖ Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về xu hướng phát triển các công nghệ mới liên quan đến sản phẩm của Công ty/ *Advise the Board of Directors of the Company on the development trends of new technologies related to the Company's products;*

- ❖ Nghiên cứu, thiết kế và tiếp nhận các công nghệ mới, sản phẩm mới nhanh chóng đưa vào dây chuyền sản xuất thực tế, đảm bảo công việc đạt chất lượng, hiệu quả, chính xác/ *Research, design and receive new technologies and new products to quickly put into the actual production line, ensuring the work is of high quality, efficient and accurate.*
 - ❖ Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về lĩnh vực kỹ thuật cơ khí, điện, điện tử, động lực,...(gọi tắt là lĩnh vực cơ điện) của Công ty/ *Advise the Board of Directors on the fields of mechanical engineering, electricity, electronics, power, etc. (referred to as the electromechanical field) of the Company.*
 - ❖ Quản lý duy tu, bảo dưỡng các dây chuyền máy móc, thiết bị, đảm bảo hệ thống máy móc, thiết bị cơ khí của Công ty vận hành an toàn, hiệu quả/ *Manage maintenance and repair of machinery and equipment lines, ensuring the Company's machinery and mechanical equipment systems operate safely and effectively.*
 - ❖ Tổ chức, quản lý phân công lao động, điều hành sản xuất; quản lý phân xưởng nhằm hoàn thành các kế hoạch được Ban Tổng Giám đốc công ty giao đúng kế hoạch, đúng số lượng, đảm bảo chất lượng/ *Organize and manage labor division, production management; manage workshops to complete plans assigned by the Board of Directors of the company on schedule, in the right quantity, and ensuring quality;*
 - ❖ Tiếp nhận các đơn hàng từ Công ty, tổ chức điều hành sản xuất/ *Receive orders from the Company, organize production management;*
 - ❖ Tiếp nhận và quản lý các nguyên vật liệu phục vụ kế hoạch sản xuất của nhà máy/ *Receive and manage raw materials to serve the factory's production plan;*
 - ❖ Phân công, bố trí lao động theo quy trình sản xuất/ *Assign and arrange labor according to the production process;*
 - ❖ Tổ chức các lĩnh vực phục vụ và phụ trợ sản xuất/ *Organize production support and service areas;*
 - ❖ Trực tiếp khai thác năng lực máy móc thiết bị trong nhà máy nhằm tăng năng suất và hiệu quả sản xuất/ *Directly exploit the capacity of machinery and equipment in the factory to increase productivity and production efficiency;*
 - ❖ Tổ chức quản lý kho hàng liên quan/ *Organize the management of related warehouses.*
 - ❖ Kiểm tra việc tuân thủ nội quy an toàn lao động của CBCNV trong quá trình sản xuất, vận hành máy móc/ *Check the compliance with labor safety regulations of employees during production and operation of machinery;*
 - ❖ Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về nội quy Phòng cháy chữa cháy, đảm bảo công tác Phòng cháy chữa cháy tuân thủ theo các quy định của pháp luật/ *Advise the Board of Directors on fire prevention and fighting regulations, ensure that fire prevention and fighting work complies with legal regulations;*
 - ❖ Tổ chức tập huấn cho CBCNV về các nguyên tắc đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ/ *Organize training for employees on principles of safety assurance and fire prevention and fighting.*
- Dịch vụ/ service**
- ❖ Có nhiệm vụ quản lý hệ thống kho hàng, vận chuyển hàng hoá, lắp đặt, bảo hành và chăm sóc khách hàng/ *Responsible for managing the warehouse system, transporting goods, installing, maintaining and providing customer care.*
 - ❖ Có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý mọi thông tin liên quan đến yêu cầu của khách hàng, tư vấn dịch vụ trực tiếp. Việc chăm sóc khách hàng được xây dựng và thực hiện theo một quy trình chuẩn, bao gồm đầy đủ các thủ tục và chính sách nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng/ *Responsible for receiving and processing all information related to customer requests and providing direct service consultation. Customer care is built and implemented according to a standard process, including full procedures and policies to promptly respond to customer requests.*
- Phòng Tài chính - Kế toán – Quản trị/ Finance - Accounting - Administration Department::**
- ❖ Quản lý công tác tài chính kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính kế toán/ *Manage financial accounting work at the Company according to the Accounting Law and current policies of the State on the field of financial accounting;*

- ❖ Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán/*Collect and process accounting information and data according to the subject and content of accounting work;*
- ❖ Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán/*Check and monitor financial revenues and expenditures, collection and payment obligations; check the management and use of assets and sources of asset formation; detect and prevent violations of financial and accounting laws;*
- ❖ Phân tích thông tin, số liệu kế toán; tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty/*Analyze accounting information and data; advise and propose solutions to serve the management requirements and economic and financial decisions of the Company/*
- ❖ Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật/*Provide information and accounting data according to the provisions of law;*
- ❖ Xử lý các dữ liệu từ phòng Tài chính kế toán, nghiên cứu và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty dựa trên các số liệu Tài chính - Kế toán/*Process data from the Finance and Accounting Department, research and evaluate the Company's performance based on Financial and Accounting data;*
- ❖ Cùng các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế/*Work with other departments to advise the Board of Directors in signing economic contracts.*

Phòng Hành chính – Vật tư/ Administration - Supplies Department:

Hành Chính/ Administration

- ❖ Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty/*Organize the production and business apparatus and arrange personnel in accordance with the development requirements of the Company;*
- ❖ Quản lý hồ sơ lý lịch CBCNV toàn Công ty, giải quyết các thủ tục và chế độ tuyển dụng, thôi việc, bãi miễn, kỷ luật, khen thưởng, hưu trí/*Manage the personal records of all employees of the Company, handle procedures and policies for recruitment, termination, dismissal, discipline, reward, retirement;*
- ❖ Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ tay nghề cho CBCNV, bảo hộ lao động/*Develop plans and training programs, improve professional skills for employees, labor protection;*
- ❖ Quản lý lao động, tiền lương CBCNV, xây dựng các định mức lao động, đơn giá tiền lương/*Manage labor, salaries of employees, develop labor norms, salary unit prices;*
- ❖ Quản lý công văn đi, đến, sổ sách hành chính và con dấu/*Manage incoming and outgoing documents, administrative books and seals;*
- ❖ Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về nội quy lao động, đảm bảo an toàn trong quá trình lao động/*Advise the Board of Directors on labor regulations, ensuring safety during the labor process;*
- ❖ Thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự trong Công ty/*Implement security and order in the Company;*
- ❖ Tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc triển khai sử dụng các máy móc, phần mềm trong lĩnh vực tin học/*Advise the Board of Directors on the use of machinery and software in the field of information technology;*
- ❖ Phụ trách hệ thống tin học trong toàn Công ty/*Be in charge of the information technology system in the entire Company.*

Vật tư/ Materials Department

- ❖ Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch nhập nguyên vật liệu đầu vào, đảm bảo cung ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/*Advise the Board of Directors on the plan to import input materials, ensuring timely supply for the Company's production and business activities;*
- ❖ Trực tiếp triển khai kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất và cung ứng hàng hoá phục vụ kinh doanh/*Directly implement the plan to supply materials and input materials for production and supply goods for business;*

- ❖ Giám sát việc sử dụng nguyên vật liệu tại các đơn vị trong hệ thống/ *Monitor the use of raw materials at units in the system;*
- ❖ Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Tổng Giám đốc yêu cầu/ *Perform other tasks requested by the Board of Directors;*

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies:* (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies).*

Các nhà máy và Công ty con:

❖ Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai/ *Son Ha Chu Lai International Company Limited.*
 Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000900618 ngày 31/12/2012, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 22/04/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp/ *Son Ha - Chu Lai International Company Limited, (hereinafter referred to as “the Company”) was established and operated under Business Registration Certificate No. 4000900618 dated December 31, 2012, registered for the 5th change on April 22, 2019 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Nam Province.*

Địa chỉ: Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam/ *Address: Bac Chu Lai Industrial Park, Tam Hiep Commune, Nui Thanh District, Quang Nam Province.*

Vốn góp của chủ sở hữu: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng)/ *Owner's capital contribution: VND 70,000,000,000 (Seventy billion VND).*

Tỷ lệ sở hữu tại Công ty con: 100%/ *Ownership ratio at Subsidiaries: 100%.*

Ngành nghề kinh doanh, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp/ *The Company's main business lines and production activities include: Manufacturing barrels, tanks, metal containers and trading household goods and industrial goods.*

❖ Nhà máy sản xuất tại Cần Thơ/ *Factory in Can Tho.*

Địa chỉ: Lô 2.10G, Đường số 09 KCN Trà Nóc II, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ/ *Address: Lot 2.10G, Road 09, Tra Noc II Industrial Park, Phuoc Thoi Ward, O Mon District, Can Tho City.*

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp/ *Business lines: The Company's main production and business activities include: Manufacturing barrels, tanks, metal containers and trading household goods and industrial goods.*

Công ty liên kết:

Công ty không có Công ty liên kết/ *The Company has no Affiliates.*

4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company.*

- ❖ Tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả ngành hàng gia dụng và công nghiệp/ *Continue to focus on effective production and business activities in the household and industrial goods sector.*
- ❖ Xây dựng hệ thống kênh phân phối phát triển song song cùng kênh đại lý/ *Building a distribution channel system that develops in parallel with the dealer channel.*
- ❖ Tiếp tục phát triển hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh/ *Continue to develop the operational efficiency of the branch system.*
- ❖ Xây dựng chính sách thu nhập gắn với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp/ *Develop income policies linked to business performance.*
- ❖ Tăng cường kiểm tra tuân thủ an toàn trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa/ *Strengthen safety compliance inspection in production, improve product and goods quality.*

- ❖ Đa dạng hóa sản phẩm, cho ra thị trường nhiều sản phẩm, nhãn hàng mới/*Diversify products, launch many new products and brands to the market.*
 - ❖ Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, tạo môi trường hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động/*Continue to improve the lives and income of workers, improve the working environment, create an attractive environment and enhance the creativity, dedication and commitment of workers.*
 - ❖ Sản xuất, vận hành nhà máy Cần Thơ với năng lực sản xuất cao nhất với định hướng tăng sản lượng và giảm chi phí vận chuyển/*Produce and operate Can Tho factory with the highest production capacity with the orientation of increasing output and reducing transportation costs.*
 - ❖ Nâng cao hiệu quả tại các Công ty con và nhà máy trực thuộc/*Improve efficiency at subsidiaries and affiliated factories.*
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term.*
- ❖ Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, chế độ bảo hành và hậu mãi đối với khách hàng phải đặt lên hàng đầu/*Improving customer service quality, warranty and after-sales service for customers must be a top priority.*
 - ❖ Đầu tư mở rộng nhà máy nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng được theo yêu cầu thị trường/*Invest in expanding the factory to improve production and business capacity to meet market demands.*
 - ❖ Công ty luôn luôn có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ Công nhân viên, tạo ra nguồn lãnh đạo nguồn để có nhiều lựa chọn khi bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ mới/*The company always has a plan to train and retrain staff, creating a source of leadership to have many options when appointing and assigning new tasks.*
 - ❖ Nghiên cứu, phát triển thêm những dòng sản phẩm mới ngoài các sản phẩm công ty đang có để đáp ứng thị trường/*Research and develop new product lines in addition to the company's existing products to meet market demands.*
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*
- ❖ Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo môi trường tốt để các cán bộ Công nhân viên Công ty gắn bó và đóng góp chung vào sự phát triển của Son Hà Sài Gòn/*Focus on improving product quality, creating a good environment for the Company's staff to bond and contribute to the development of Son Ha Saigon.*
 - ❖ Kết hợp với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước để có các chương trình tặng bồn nước cho những hộ nghèo vùng khó khăn, bị ngập mặn/*Cooperate with domestic and foreign units and organizations to have programs to donate water tanks to poor households in difficult areas, affected by saltwater intrusion.*
 - ❖ Tình hình tài chính Công ty luôn ổn định, cân đối đảm bảo nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với chi phí thấp nhất, chủ động được nguồn vốn trung và dài hạn đáp ứng cho các dự án đầu tư/*The Company's financial situation is always stable, balanced to ensure working capital for production and business at the lowest cost, proactively providing medium and long-term capital to meet investment projects.*
 - ❖ Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty/*Fully comply with the provisions of the law on environment and environmental protection in the production and business activities of the Company.*
5. Các rủi ro/*Risks:*(Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*
- a. Rủi ro về thị trường/ *Market risk:*

- Rủi ro về lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để được lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình/ *The Company's interest rate risk is mainly related to loans and debts, cash and cash equivalents in banks. The Company manages interest rate risk by analyzing the competitive situation in the market to obtain interest rates that are favorable to the Company and still within its risk management limits.*
- Rủi ro về tiền tệ: là rủi ro mà các giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi theo tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không cao/ *Currency risk: is the risk that the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate due to changes in exchange rates. The Company does not perform a sensitivity analysis for foreign currencies because the risk due to changes in exchange rates at the reporting date is not high.*
- Rủi ro về các khoản Công nợ phải thu: Công ty luôn có kế hoạch để kiểm soát Công nợ bán hàng để hạn chế rủi ro thấp nhất về Công nợ, các khách hàng đều được đánh giá và ký hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng trước khi giao dịch, yêu cầu thanh toán tiền trước đối với giao dịch lần đầu, các khoản phải thu liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng công nợ phải thu không tập trung vào một khách hàng nhất định/ *Risk of receivables: The company always has a plan to control sales receivables to minimize the risk of receivables. All customers are evaluated and sign contracts or contract appendices before transactions. Prepayment is required for the first transaction. Receivables are related to many different customers, so the credit risk of receivables is not concentrated on a certain customer.*
- b. Rủi ro đặc thù ngành/ *Industry-specific risks:*
 - Rủi ro về nguyên vật liệu*
 - Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới đang có nhiều, Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Bên cạnh đó, đô la Mỹ tăng giá càng làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, gây sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa trong nước.
Raw material prices: The world price of raw materials is increasing, and Vietnam, as a country that imports many materials for production, will face higher costs, putting pressure on production and increasing domestic consumer goods prices. Additionally, the rising value of the US dollar further increases import costs of raw materials, putting additional pressure on domestic goods prices.
 - Là một công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm làm từ thép không gỉ, nguyên liệu chính của Sơn Hà Sài Gòn là thép không gỉ được nhập khẩu từ nước ngoài và một số ít công ty trong nước. Giá của nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Giá của nguyên vật liệu thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, nếu nguồn nguyên vật liệu không được cung cấp đầy đủ và đúng hạn thì có thể Công ty không sản xuất đủ sản phẩm cung cấp cho các đơn hàng. Nhằm được điều này, Công ty đã chủ động tìm kiếm những nhà cung cấp uy tín đảm bảo, giá cả thời hạn giao hàng cũng như chất lượng sản phẩm.
As a company manufacturing and trading stainless steel products, the main raw material for Sơn Hà Sài Gòn is stainless steel imported from abroad and a few domestic suppliers. The price of raw materials accounts for a large proportion of the product cost. The frequent fluctuation in raw material prices can affect the company's cost and profit. Additionally, if the raw materials are not supplied adequately and on time, the company may not be able to produce enough products to meet customer orders. Understanding this, the company proactively seeks reputable suppliers who ensure competitive pricing, delivery schedules, and product quality.
 - Rủi ro cạnh tranh/Risk of Competition*
 - Rào cản gia nhập ngành sản xuất bồn nước Inox và bồn nước nhựa thấp do không cần đến công nghệ hiện đại với hàm lượng kỹ thuật cao. Mặc dù hiện tại, số lượng doanh nghiệp tham gia ngành này thấp, trên thị trường đối thủ cạnh tranh chính là thương hiệu bồn nước Inox Tân Á, Đại Thành, Toàn Mỹ..., tuy nhiên, khả năng tiềm ẩn nhiều đối thủ mới sẽ gia nhập thị trường, thị phần của Công ty sẽ bị ảnh hưởng nếu như không xây dựng được kế hoạch kinh doanh và tiếp

thị tốt. Trong thời gian tới, Công ty chủ động mở rộng đại lý phân phối, tập trung giảm chi phí vận chuyển và cải tiến sản phẩm gọn nhẹ, hiện đại, dễ lắp đặt để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

The barrier to entry in the production of stainless steel and plastic water tanks is low, as it does not require advanced technology with high technical content. Although the current number of companies in this industry is low, the main competitors in the market include brands like Tân Á, Đại Thành, Toàn Mỹ, etc. However, there is potential for new competitors to enter the market, which will affect the company's market share unless it builds a good business and marketing strategy. In the near future, the company plans to expand its distribution network, reduce transportation costs, and improve product design to be more compact, modern, and easy to install to meet the increasing demands of customers.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ/ Market Consumption Risks

- Trong những năm vừa qua, tình hình kinh tế suy thoái, nhu cầu thị trường mua sắm thấp và thị trường bất ổn động sản đóng băng đã tác động tiêu cực làm suy giảm lượng cầu của nền kinh tế, cầu thị trường trong nước cũng như nước ngoài của hầu hết sản phẩm đều giảm. Sản phẩm Công ty bị ảnh hưởng chung trên thị trường với nhu cầu tiêu thụ chậm, ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh Công ty, nắm được tình hình chung như trên Công ty cũng luôn chủ động để tiếp cận thị trường, khách hàng bằng nhiều chính sách bán hàng và cách triển khai khác nhau để hạn chế rủi ro nhất.

In recent years, the economic recession, low market demand, and the frozen real estate market have negatively affected the economy, leading to a decline in the demand for both domestic and foreign products. The company's products are also affected by the slow consumption demand in the market, impacting its business performance. Understanding the general situation, the company proactively seeks to approach the market and customers with various sales policies and strategies to minimize risks.

c. Rủi ro môi trường/ Environmental risks:

- Công ty luôn chú trọng quan tâm đến vấn đề môi trường và bảo vệ sức khỏe Cộng đồng. Định kỳ hàng năm Công ty có các đơn vị đến đo đạc, đánh giá quan trắc môi trường và có các báo cáo về thu gom chất thải, báo cáo đánh giá tác động môi trường/ *The Company always pays attention to environmental issues and protecting the health of the community. Every year, the Company has units come to measure, evaluate and monitor the environment and have reports on waste collection and environmental impact assessment reports.*
- Với những đánh giá về rủi ro về môi trường theo nhận định nên Công ty luôn chú trọng trong công tác về bảo vệ môi trường nhằm tránh rủi ro thấp nhất trong quá trình sản xuất, kinh doanh/ *With assessments of environmental risks, the Company always focuses on environmental protection to minimize risks in the production and business process.*

d. Rủi ro về dịch bệnh, lạm phát, suy thoái kinh tế/ Risks of epidemics, inflation, economic recession.

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm, chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng cao, cùng với những diễn biến căng thẳng của các cuộc xung đột chính trị, xu hướng thu hẹp tiêu dùng và những yếu tố bất ổn như an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh ấy, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên kiềm chế lạm phát. Tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm ở nhiều nước, kể cả các nền kinh tế lớn trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro cũng ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

In 2024, the global economy will continue to face many difficulties and challenges. Most economies worldwide are experiencing lower-than-expected growth due to declining demand, tightening monetary policies, high global public debt, and tensions from political conflicts, declining consumer trends, and increasing uncertainties such as food security, natural disasters, and climate change. In this context, many countries maintain tight monetary policies to prioritize controlling inflation. Weak demand, slow economic growth in many countries, including major economies, along with risks in financial markets and real estate in some countries, also impact the company's production and business.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.

ST T/ No	Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023/ Year 2023	Năm 2024/ Year 2024	% Tăng giảm/ % change	Biến động tăng giảm so với năm 2023/ Fluctuation compared to 2023
1	Tổng tài sản/Total asset	1,012,228,435,555	1,058,621,150,713	104.6%	46,392,715,158
2	Vốn chủ sở hữu/Owners' Equity	413,070,295,194	426,290,566,799	103.2%	13,220,271,605
3	Vốn điều lệ/Charter Capital	334,466,750,000	334,466,750,000	100.0%	0
4	Doanh thu thuần/Net revenue	1,083,614,766,476	1,140,368,603,052	105.2%	56,753,836,576
5	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial revenue	5,726,407,671	8,680,121,522	151.6%	2,953,713,851
6	Chi phí tài chính/Financial costs	44,067,810,115	36,673,635,993	83.2%	-7,394,174,122
7	Chi phí bán hàng/Cost of sales	66,680,200,471	70,950,903,842	106.4%	4,270,703,371
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp/ Business management costs	24,850,841,570	22,965,780,663	92.4%	-1,885,060,907
9	Lợi nhuận khác/Other profits	805,122,095	318,679,311	39.6%	-486,442,784
10	Lợi nhuận trước thuế//Profit before tax	15,653,161,068	16,346,168,291	104.4%	693,007,223
11	Lợi nhuận sau thuế//Profit after tax	12,386,563,662	13,496,271,605	109.0%	1,109,707,943
12	Lãi cơ bản trên Cổ phiếu/ Basic earnings per share	370	404	109.2%	34

- + **Doanh thu thuần:** Tăng 5.24% tương đương 56.7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do doanh thu ngành hàng gia dụng tăng.
Net Revenue: Increased by 5.24%, equivalent to VND 56.7 billion compared to the same period last year, mainly due to a rise in revenue from household goods.
- + **Lợi nhuận gộp:** Với tỷ lệ tăng doanh thu và giá vốn như trên thì lợi nhuận gộp giảm 4.7% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 6.78 tỷ đồng.
Gross Profit: Due to the above changes in revenue and COGS, gross profit decreased by 4.7% compared to the same period last year, equivalent to VND 6.78 billion.
- + **Doanh thu hoạt động tài chính:** Tăng 2.9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do tiền chiết khấu thanh toán Công ty nhận được từ nhà cung cấp kỳ này tăng.
Financial Income: Increased by VND 2.9 billion compared to the same period last year, mainly due to higher payment discounts received from suppliers during the period.
- + **Chi phí tài chính:** Giảm 16.7% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 7.39 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do lãi suất khoản vay giảm.
Financial Expenses: Decreased by 16.7%, equivalent to VND 7.39 billion, primarily due to a reduction in loan interest rates.
- + **Chi phí bán hàng:** Tăng 6.4% tương đương 4.2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí công tác, xăng dầu tăng.
Selling Expenses: Increased by 6.4%, equivalent to VND 4.2 billion, mainly due to higher travel and fuel costs.

- + **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm 1.88 tỷ đồng so với cùng kỳ Nguyên nhân do tối ưu hoá chi phí quản lý, chi phí đầu tư, chi phí quản lý văn phòng.
General and Administrative Expenses: Decreased by VND 1.88 billion compared to the same period last year as a result of cost optimization in management, investment, and office administration.
 - + **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế:** Do các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế trong kỳ tăng 7.94% tương đương 1.17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
Operating Profit Before Tax: As a result of the above factors, operating profit before tax for the period increased by 7.94%, equivalent to VND 1.17 billion compared to the same period last year.
 - + **Lợi nhuận khác:** Giảm 486 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do kỳ trước nhận được chiết khấu mua nguyên vật liệu năm 2022.
Other Income: Decreased by VND 486 million compared to the same period last year, as the prior period recorded a discount received from the purchase of raw materials in 2022.
 - + **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:** Với các biến động kể trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ 8.96% tương ứng 1.1 tỷ đồng.
Net Profit After Corporate Income Tax: Due to the above fluctuations, net profit after tax in 2024 increased by 8.96%, equivalent to VND 1.1 billion compared to the same period last year.
- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation/actual progress against the plan:** So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years.

STT/ No	Chỉ tiêu/ Indicators	ĐVT/Unit	KH 2024/ Plan 2024	TH 2024/ Result 2024	% Tăng giảm/ % change
1	Doanh thu thuần/Net revenue	Đồng/ VND	1,000,000,000,000	1,140,368,603,052	114.0%
2	Lợi nhuận sau thuế//Profit after tax.	Đồng/ VND	25,000,000,000	13,496,271,605	54.0%
3	Cổ tức (%) / Dividends		5%	5%	100.0%

Với kết quả như trên, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, đạt 114% so với kế hoạch. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 54% so với kế hoạch. Chi trả cổ tức bằng Cổ phiếu 5% đạt 100% so với kế hoạch.
With the above results, the Company has achieved 114% of the revenue target compared to the plan. The target for profit after tax for the shareholders has been completed, reaching 54% of the plan. The dividend payment in the form of shares (5%) has achieved 100% of the plan.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến doanh thu, chi phí lợi nhuận như trên:

- ✓ **Doanh thu thuần:** tăng 140.4 tỷ tương đương 14%, ghi nhận doanh thu tăng trong năm do ngành hàng gia dụng tăng so với cùng kỳ.
Net revenue: Increased by VND 140.4 billion, equivalent to a 14% growth, primarily due to the growth in the household goods segment compared to the same period last year.
- ✓ **Lợi nhuận sau thuế đạt 54% so với kế hoạch, tương đương 13.5 tỷ so với kế hoạch 25 tỷ** → Nguyên nhân ghi nhận trong năm 2024 doanh thu tăng so với năm trước tuy nhiên tập trung tăng ở ngành hàng gia dụng. Nguyên nhân ghi tình hình cạnh tranh trên thị trường gay gắt, biên lợi nhuận ngành hàng còn gặp nhiều khó khăn nên hoàn thành kế hoạch chỉ đạt 54%, để kế hoạch khả thi hơn trong năm tới, HĐQT đã có kế hoạch trình kế hoạch lợi nhuận cho năm tiếp theo khả thi hơn.
Net profit after tax: Reached 54% of the planned target, equivalent to VND 13.5 billion out of the planned VND 25 billion. → The reason is that although revenue increased in 2024 compared to the previous year, the growth was mainly concentrated in the household goods segment. Additionally, intense market competition and challenges in profit margins for this segment

✓ Cổ tức: kế hoạch 5% thực hiện 5% bằng Cổ phiếu theo kế hoạch đề ra.

Kế hoạch năm 2025/ *Business Plan for 2025:*

STT/ No	Diễn giải/ Description	Đơn vị tính/ Unit	Giá trị/ Value
1	Tổng doanh thu hợp nhất/ Planned Net Revenue	Tỷ đồng Billion VND	1.100
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất/Profit after tax	Tỷ đồng Billion VND	20
3	Cổ tức/Planned Dividend Rate	%	5%

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

[illegible]

1	Bà/Ms: Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám Đốc/ Người Công bố thông tin	0	0%	17/7/2020			
2	Ông/Mr: Hoàng Tuấn Thanh	P. Tổng Giám Đốc	0	0%	17/7/2020			
III Ban kiểm soát/ Board of Control								
1	Ông/Mr: Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban kiểm soát <i>Head of control committee</i>	8	0%	27/04/2021			
2	Bà/Ms: Lê Hoàng Anh	Thành viên BKS <i>Board of Supervisors</i>	0	0%	27/04/2021			
3	Bà/Ms: Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên BKS <i>Board of Supervisors</i>	74	0%	27/04/2021			
IV KẾ TOÁN TRƯỞNG/Chief Accountant								
1	Bà/Ms: Trần Thị Thu Hạnh.	Kế toán Trưởng <i>Chief Accountant</i>	0	0%	1/9/2022			
V TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ/ FINANCE MANAGEMENT								
1	Ông .Mr: Nguyễn Văn Dũng	TP Tài chính quản trị. <i>FINANCE MANAGEMENT</i>	0	0%	1/9/2022			

Tóm tắt lý lịch cá nhân trong ban điều hành/ Brief Curriculum Vitae of the Executive Management Team.

Tổng Giám đốc/Chief Executive Officer.

Bà /Ms: Ngô Thị Thanh Lan			
Giới tính/Gender	Nữ/ Female	Quê quán/Place of Origin	Cà Mau
Ngày tháng năm sinh/Date of Birth	10/04/1980	Dân tộc/Ethnicity	Kinh
Địa chỉ thường trú/ Permanent Address	63 Đường D11, P. Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh		
Nơi sinh/Place of Birth	TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City		
Quốc tịch/Nationality	Việt Nam	CCCD số/Citizen ID No: 079180033890 cấp ngày/issued: 10/08/2021 tại Cục cảnh sát quản lý trật tự xã hội cấp/Police Department of Administrative Management of Social Order	
Trình độ văn hóa/ Education Level	12/12		
Trình độ chuyên môn/ Professional Qualification	Cử nhân kinh tế/ Bachelor of Economics		
Quá trình công tác/ Work Experience:			
07/2002 - 03/2005	Công ty TNHH Tư vấn luật và Kiểm toán Hoàng Gia (SCCT) Hoang Gia Law and Auditing Consulting Co., Ltd (SCCT)		
04/2005 – 07/2020	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		

	Deputy General Director cum Chief Accountant – Son Ha Sai Gon Joint Stock Company
07/2020- nay 07/2020 – Present	Tổng giám đốc Công ty/Chief Executive Officer. General Director / Chief Executive Officer
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành. Current position at the issuing organization	Tổng Giám đốc General Director
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Positions held in other organizations	Không/ None
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác Shareholding ratio in other companies:	Không/ None
Hành vi vi phạm pháp luật/ Legal violations	Không/ None
Các khoản nợ đối với công ty/Debts to the company:	Không/ None
Lợi ích liên quan với Công ty/ Related interests with the company	Không/ None
Số cổ phần nắm giữ/ Number of shares held:	0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%)
Trong đó/Of which: -Sở hữu cá nhân/Personal ownership. - Đại diện phần vốn/ Ownership as capital representative.	0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%) 0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Number of shares held by related persons	Không/ None

Phó Tổng Giám Đốc/Deputy CEO

Ông Hoàng Tuấn Thanh			
Giới tính/Gender	Nam	Quê quán/Place of Origin	Văn Sơn – Đô Lương – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh/Date of Birth	19 – 05 - 1975	Dân tộc/Ethnicity	Kinh
Địa chỉ thường trú/ Permanent Address	Khu 17 – Thị trấn Lai Cách – Huyện Cẩm Giàng – Tỉnh Hải Dương		
Nơi sinh/Place of Birth	Văn Sơn – Đô Lương – Nghệ An		
Quốc tịch/Nationality	Việt Nam		

33
3
H
14
30
T.P

Trình độ văn hóa/ Education Level	12/12	CMND số/Citizen ID No: 038075000232 cấp ngày/issued: 24-12-2015 tại ĐKQL Cư Trú và DLQG về dân cư/ Police Department of Administrative Management of Social Order
Trình độ chuyên môn/ Professional Qualification	Cử nhân kinh tế/ Bachelor of Economics	
Quá trình công tác/ Work Experience:		
9 năm 1997 đến tháng 5 năm 2009 From 1997 to May 2009	Trưởng phòng Marketing Công ty CP Nội thất Hòa Phát Marketing Manager – Hoa Phat Furniture Joint Stock Company	
6 năm 2009 đến tháng 12 năm 2012 From June 2009 to December 2012	Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Xi Măng Hòa Phát Deputy General Director – Hoa Phat Cement Joint Stock Company	
Tháng 01 năm 2013 đến tháng 10 năm 2015 From January 2013 to October 2015	Tổng Giám Đốc Công ty CP Tig Germeny Việt Nam General Director – TIG Germany Vietnam Joint Stock Company	
Tháng 11 năm 2015 – đến tháng 2 năm 2018 From November 2015 to February 2018	Giám đốc điều hành Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An, Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà Chief Executive Officer – Son Ha Nghe An Co., Ltd (single-member limited liability company) Deputy General Director – Son Ha International Corporation	
Tháng 3 năm 2018 đến tháng 5 năm 2019 From March 2018 to May 2019	Tổng Giám Đốc Công ty CP Quốc Tế Thái Dương General Director – Thai Duong International Joint Stock Company	
T07-2020 – Nay From July 2020 to Present	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh Deputy General Director in charge of Business	
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành/ Current Position at the Issuer Organization	Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh Deputy General Director in charge of Business	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Positions held in other organizations	Không/ None	
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác Shareholding ratio in other companies:	Không/ None	
Hành vi vi phạm pháp luật/ Legal violations	Không/ None	
Các khoản nợ đối với công ty/Debts to the company:	Không/ None	

12/12/2015

Lợi ích liên quan với Công ty/ Related interests with the company	Không/ None
Số cổ phần nắm giữ/ Number of shares held:	0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%)
Trong đó/Of which: -Sở hữu cá nhân/Personal ownership. - Đại diện phần vốn/ Ownership as capital representative.	0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%) 0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Number of shares held by related persons	Không/ None

Kế toán trưởng/Chief Accountant

Bà Trần Thị Thu Hạnh			
Giới tính/Gender	Nữ	Quê quán/Place of Origin	Tỉnh Phú Yên
Ngày tháng năm sinh/Date of Birth	10/10/1986	Dân tộc/Ethnicity	Kinh
Địa chỉ thường trú/ Permanent Address	Khu Phố 5, Hòa Vinh, Thị Xã Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên.		
Nơi sinh/Place of Birth	Tỉnh Phú Yên		
Quốc tịch/Nationality	Việt Nam	CMND số/Citizen ID No: 054186002136 cấp ngày/issued: 19/04/2021/ tại QLHC về trật tự Xã Hội/Police Department of Administrative Management of Social Order.	
Trình độ văn hóa/ Education Level	12/12		
Trình độ chuyên môn/ Professional Qualification	Cử nhân kinh tế/ Bachelor of Economics		
Quá trình công tác/ Work Experience:			
Từ tháng 04/2009 đến 09/2022 From April 2009 to September 2022	làm việc tại phòng kế toán Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn Worked in the Accounting Department – Son Ha Sài Gòn Joint Stock Company		
Tháng 09 năm 2022 đến nay From September 2022 to Present	Kế toán trưởng Công ty/Chief Accountant – Son Ha Sài Gòn Joint Stock Company		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành Current Position at the Issuer Organization	Kế toán trưởng Công ty/Chief Accountant – Son Ha Sài Gòn Joint Stock Company		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không/ None		

Positions held in other organizations	
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác Shareholding ratio in other companies:	Không/ None
Hành vi vi phạm pháp luật/ Legal violations	Không/ None
Các khoản nợ đối với công ty/Debts to the company:	Không/ None
Lợi ích liên quan với Công ty/ Related interests with the company	Không/ None
Số cổ phần nắm giữ/ Number of shares held:	0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%)
Trong đó/Of which: -Sở hữu cá nhân/Personal ownership. - Đại diện phần vốn/ Ownership as capital representative.	0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%) 0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Number of shares held by related persons	Không/ None

Trưởng phòng tài chính quản trị/Head of Financial Management Department

Ông Nguyễn Văn Dũng			
Giới tính/Gender	Nam	Quê quán/Place of Origin	Tỉnh Bắc Ninh
Ngày tháng năm sinh/Date of Birth	22/10/1980	Dân tộc/Ethnicity	Kinh
Địa chỉ thường trú/Permanent Address	3/6H Đông Lân, Bà Điểm, Hóc Môn, TP.HCM		
Nơi sinh/Place of Birth	Tỉnh Bắc Ninh		
Quốc tịch/Nationality	Việt Nam	CCCD số/Citizen ID No: 027080004566 cấp ngày/issued 26/7/2022 tại Cục cảnh sát quản lý Hành chính trật tự xã hội/Police Department of Administrative Management of Social Order	
Trình độ văn hóa/Education Level	12/12		
Trình độ chuyên môn/Professional Qualification	Cử nhân kinh tế/ Bachelor of Economics		
Quá trình công tác/ Work Experience:			
Từ tháng 11/2011 đến 04/2014	Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Sơn Hà Sài Member of the Supervisory Board – Son Ha Sai Gòn Joint Stock Company		

From November 2011 to April 2014	
Từ tháng 03/2016 đến T07/2020 From March 2016 to July 2020	Làm việc tại phòng kế toán Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn Worked in the Accounting Department – Son Ha Sai Gòn Joint Stock Company
Tháng 07 năm 2020 đến nay From July 2020 to Present	Kế toán trưởng Công ty/Chief Accountant – Son Ha Sai Gòn Joint Stock Company
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành Current Position at the Issuer Organization	Trưởng phòng tài chính quản trị/Head of Financial Management Department
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Positions held in other organizations	Không/ None
Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp khác Shareholding ratio in other companies:	Không/ None
Hành vi vi phạm pháp luật/ Legal violations	Không/ None
Các khoản nợ đối với công ty/Debts to the company:	Không/ None
Lợi ích liên quan với Công ty/ Related interests with the company	Không/ None
Số cổ phần nắm giữ/ Number of shares held:	0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%)
Trong đó/Of which: - Sở hữu cá nhân/Personal ownership. - Đại diện phần vốn/ Ownership as capital representative.	0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%) 0 cổ phần (tỷ lệ 0.00%) 0 shares (0.00%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Number of shares held by related persons	Không/ None

- Những thay đổi trong ban điều hành/changes in the Board of Management: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (List the changes in the Board of Management in the year).

Trong năm 2024, Công ty không có phát sinh thay đổi ban điều hành/ In 2024, there were no changes in the Company's executive management.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.

Loại lao động/ Type of labor	Năm 2024/ Year 2024		Năm 2023/ Year 2023	
	Số lượng/ Quantity (Người/ People)	Tỷ lệ/ Proportion (%)	Số lượng/ Quantity (Người/ People)	Tỷ lệ/ Proportion (%)
Phân loại theo trình độ/ Classification by level	292	100%	294	100%
+ Trên Đại học/ Above University	0		0	
+ Đại học/ University	62	21%	67	23%
+ Cao đẳng, trung cấp/College, secondary school	70	24%	40	14%
+ Công nhân kỹ thuật/Technical worker	29	10%	163	8%
+ Lao động khác/Other labor	131	45%	24	55%
Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động / Classification by nature of labor contract	292	100%	294	100%
+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn/Indefinite term employment contract.	168	58%	179	61%
+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (1 - 3 năm)/ Fixed term employment contract (1 - 3 years)	124	42%	115	39%
+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (dưới 1 năm)/ Fixed term employment contract (less than 1 year)	0	0%	0	0%
Tổng cộng:	292	100%	294	100%

- So với cùng kỳ năm 2024 số lao động công ty giảm 2 lao động so với năm 2023, số lượng lao động biến đổi giảm không nhiều so với cùng kỳ năm 2023/ *Compared to the same period in 2024, the number of employees decreased by 2 employees compared to 2023, the number of employees changed slightly compared to the same period in 2023.*
- Trong năm, các chính sách đối với người lao động được Công ty duy trì và thực hiện đầy đủ nhằm tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu Công ty đặt ra cao nhất, các chính sách cụ thể/ *During the year, the Company maintained and fully implemented policies towards employees to create a friendly and effective working environment and fulfill the highest targets set by the Company, specific policies:*
 - ❖ Tổ chức du lịch, nghỉ mát cho cán bộ Công nhân viên hàng năm/ *Organize annual travel and vacation for staff.*
 - ❖ Chế độ chính sách BHXH (ốm đau, bệnh nghề nghiệp, thai sản, tai nạn lao động...)/ *Social insurance policies (sickness, occupational diseases, maternity, work accidents...)*
 - ❖ Chính sách Bảo hiểm thất nghiệp/ *Unemployment insurance policies.*
 - ❖ Chính sách tham gia Bảo hiểm 24 giờ/ *24-hour insurance participation policy.*
 - ❖ Tổ chức sinh nhật hàng tháng, tặng quà khuyến học cho con em cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ như Quốc tế thiếu nhi, tết trung thu/ *Organize monthly birthdays, give gifts to encourage learning for staff's children on holidays such as International Children's Day, Mid-Autumn Festival.*
 - ❖ Các hoạt động thể thao sau giờ làm việc, tạo môi trường gắn bó, gắn kết lại giữa người lao động và Công ty/ *Sports activities after work hours, creating a bonding environment between employees and the Company.*

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nếu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/specify

major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achlevement/failure to achieve the announced and committed targets.

Trong năm Công ty không có đầu tư các dự án lớn, chỉ thực hiện các đầu tư về mua sắm máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

During the year, the Company did not invest in any major projects, but only made investments in machinery and equipment to support production and business operations:

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	124,423,746,595	48,989,780,767	50,512,545,190	12,505,667,300	236,431,739,852
- Phân loại lại tài sản	-	(36,656,500)	-	36,656,500	-
- Mua trong năm	-	1,422,658,020	-	1,184,406,364	2,607,064,384
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	3,540,000,000	1,744,347,818	-	5,284,347,818
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(578,221,346)	-	(578,221,346)
31/12/2024	124,423,746,595	53,915,782,287	51,678,671,662	13,726,730,164	243,744,930,708
	Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
HISTORICAL COST					
01/01/2024	124,423,746,595	48,989,780,767	50,512,545,190	12,505,667,300	236,431,739,852
- Reclassification	-	(36,656,500)	-	36,656,500	-
- Purchase during the year	-	1,422,658,020	-	1,184,406,364	2,607,064,384
- Purchase of finance lease assets	-	3,540,000,000	1,744,347,818	-	5,284,347,818
- Disposals	-	-	(578,221,346)	-	(578,221,346)
31/12/2024	124,423,746,595	53,915,782,287	51,678,671,662	13,726,730,164	243,744,930,708

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

Công ty con/ Subsidiaries: Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai/ Son Ha Chu Lai International Company Limited.

- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai, (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000900618 ngày 31/12/2012, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 22/04/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp/ Son Ha - Chu Lai International Company Limited, (hereinafter referred to as "the Company") was established and operated under Business Registration Certificate No. 4000900618 dated December 31, 2012, registered for the 5th change on April 22, 2019 issued by the Department of Planning and Investment of Quang Nam Province.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam/ Address: Bac Chu Lai Industrial Park, Tam Hiep Commune, Nui Thanh District, Quang Nam Province.
- Vốn góp của chủ sở hữu: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng)/ Owner's capital contribution: VND 70,000,000,000 (Seventy billion VND).
- Tỷ lệ sở hữu tại Công ty con: 100%/ Ownership ratio at Subsidiaries: 100%.
- Ngành nghề kinh doanh, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp/ The Company's main business lines and production activities include: Manufacturing barrels, tanks, metal containers and trading household goods and industrial goods.

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con/ Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries.

STT	Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023/ Year 2023	Năm 2024/Year 2024	Tỷ lệ % tăng /giảm so với năm 2023 (Percentage increase/decrease compared to 2023)
1	Tổng tài sản/Total asset	256,673,224,149	276,717,120,070	107.8%
2	Vốn chủ sở hữu/ Owner's Equity ratio	109,727,999,062	100,320,163,355	91.4%
3	Vốn điều lệ/Charter Capital	70,000,000,000	70,000,000,000	100.0%
4	Doanh thu thuần/Net revenue	442,840,642,879	486,270,609,081	109.8%
5	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial revenue	20,676,909	24,570,153	118.8%
6	Chi phí tài chính/Financial costs	11,108,233,635	9,133,775,725	82.2%
7	Chi phí bán hàng/Cost of sales	12,242,636,553	13,411,197,503	109.5%
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp/ Business management costs	3,486,952,408	4,292,948,255	123.1%
9	Lợi nhuận khác/Other profits	24,721,163	29,586,663	119.7%
10	Lợi nhuận trước thuế//Profit before tax	11,946,906,326	11,363,977,174	95.1%
11	Lợi nhuận sau thuế//Profit after tax	10,854,192,108	10,592,164,294	97.6%

Các chỉ tiêu về tình hình tài chính trên/ *Financial indicators on:*

- ✓ **Doanh thu thuần:** Tăng 9.8% tương đương 43 tỷ đồng so với năm trước do thị trường dần đi vào ổn định nhu cầu thị trường tăng dẫn đến doanh thu bán hàng tăng.
Net revenue: Increased by 9.8% equivalent to 43 billion VND compared to the previous year due to the market gradually stabilizing, increasing market demand leading to increased sales revenue.
- ✓ **Chi phí tài chính:** Giảm 17.8 % so với năm trước tương đương với 1.9 tỷ đồng, nguyên nhân do lãi suất khoản vay bình quân giảm 1.5% so với năm 2023.
Financial expenses: Decreased by 17.8% compared to the previous year, equivalent to VND 1.9 billion, due to the average loan interest rate decreasing by 1.5% compared to 2023.
- ✓ **Chi phí bán hàng:** Tăng 9.5% tương đương 1.1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do chi phí vận chuyển, chi phí lương tăng theo doanh thu.
Selling expenses: Increased by 9.5% equivalent to 1.1 billion VND compared to the same period last year due to transportation costs and salary costs increasing according to revenue.
- ✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Tăng 23.1% tương đương 805 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Do khấu hao nhà xưởng, hệ thống PCCC công ty con tăng 100 triệu đồng, trích lập dự phòng phải thu khó đòi 375 triệu đồng, phí thiên tai năm 2022 và 2023 tăng 120 triệu, chi phí lương 210 triệu đồng.
Business management expenses: Increased by 23.1% equivalent to VND 805 million compared to the same period last year. Due to factory depreciation, the subsidiary's Fire Protection system increased by VND 100 million, provision for bad debts increased by VND 375 million, natural disaster fees in 2022 and 2023 increased by VND 120 million, salary expenses increased by VND 210 million.
- ✓ **Lợi nhuận sau thuế:** Với các biến động kể trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế 2024 giảm so với năm trước với tỷ lệ 2.4% tương ứng 262 triệu đồng.
Profit after tax: With the above fluctuations, profit after tax in 2024 decreased compared to the previous year by 2.4%, equivalent to VND 262 million.

Công ty liên kết/associated companies.

Công ty không có Công ty liên kết/ *The Company has no Affiliates.*

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

STT/No	Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023/ Year 2023	Năm 2024/Year 2024	% tăng giảm/ % change
1	Vốn điều lệ/Charter Capital	334,466,750,000	334,466,750,000	100.0%
1	Tổng giá trị tài sản/ Total asset	1,012,228,435,555	1,058,621,150,713	104.6%
2	Doanh thu thuần/ Net revenue	1,083,614,766,476	1,140,368,603,052	105.2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Profit from business activities	14,848,038,973	16,027,488,980	107.9%
4	Lợi nhuận khác/Other profits	805,122,095	318,679,311	39.6%
5	Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	15,653,161,068	16,346,168,291	104.4%
6	Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	12,386,563,662	13,496,271,605	109.0%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (đồng)/ Payout ratio (VND)	0%	0%	0.0%

- Các chỉ tiêu khác/ Other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial indicators:

TT	CHỈ TIÊU// Indicators	DVT/Unit	Năm 2023/ Year 2023	Năm 2024/Year 2024	Ghi chú/Note
I	Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio				
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn//Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	Lần	1.36	1.39	
-	Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	Lần	0.63	0.69	
II	Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio				
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	Lần	0.59	0.60	
-	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	Lần	1.45	1.48	
III	Chỉ tiêu về hoạt động/ Operation capability Ratio				
-	Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	Vòng	2.15	2.28	
-	Vòng quay tổng tài sản/Total asset turnover: Doanh thu thuần/ Tổng tài sản (Net revenue/ Average Total Assets)	Vòng	1.07	1.08	
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability				

-	Hệ số LN sau thuế /Doanh thu thuần/ (profit after tax/ Net revenue Ratio)	%	1.14%	1.18%	
-	Hệ số LN sau thuế /Vốn chủ sở hữu / (profit after tax/ total capital Ratio)	%	3.00%	3.17%	
-	Hệ số LN sau thuế /Tổng tài sản/ (profit after tax/ Total assets Ratio)	%	1.22%	1.27%	
-	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT / (Profit from business activities/ Net revenue Ratio)	%	1.37%	1.41%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

❖ Số lượng cổ phần đang lưu hành: 33,446,675 Cổ phần.

Number of shares outstanding: 33,446,675 Shares

❖ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 33,446,675 Cổ phần.

Number of freely transferable shares: 33,446,675 Shares

❖ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 Cổ phần.

Number of shares subject to transfer restrictions: 0 Shares

❖ Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài.

The Company does not have securities traded abroad or sponsor the issuance and listing of securities abroad.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

STT/ No	Tỷ lệ sở hữu cổ đông/ Shareholding percentage.	Số lượng/ Quantity cổ đông/ Shareholders	Số lượng/ Quantity cổ phần/ Shares	Tỷ lệ % Percentage (%) rate
1	Cổ đông lớn/Major shareholders	2	9,733,357	29.10%
2	Cổ đông nhỏ/ Minor shareholders	1,636	23,713,318	70.90%
Tổng cộng/Total		1,638	33,446,675	100.00%

3	Cổ đông tổ chức/ Institutional shareholders	18	6,269,575	18.74%
4	Cổ đông cá nhân/ Individual shareholders	1,620	27,177,100	81.26%
Tổng cộng/Total		1,638	33,446,675	100.00%
5	Cổ đông trong nước/ Domestic shareholders	1,618	33,157,482	99.14%
6	Cổ đông nước ngoài/ Foreign shareholders	20	289,193	0.86%
Tổng cộng/Total		1,638	33,446,675	100.00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

STT/ No	Ngày/tháng /năm Day/Month/Year	Diễn giải/ Interpretation	Nguồn vốn biến động (đồng)/ Volatile capital (VND)	Nguồn vốn tại thời điểm (đồng)/ Capital at the time (VND)	Số lượng cổ phiếu (cổ phần)/ Number of shares
1	21/1/2013	Nguồn vốn đầu tư ban đầu. <i>Initial investment capital</i>		80,000,000,000	8,000,000
2	8/4/2016	Tăng vốn do phát hành tăng thêm 10.000.000 CP <i>Capital increase due to additional issuance 10.000.000 Shares</i>	100,000,000,000	180,000,000,000	18,000,000
3	9/11/2016	Phát hành cổ phiếu Chi cổ tức bằng Cổ phiếu năm 2015 tỷ lệ 12%. <i>Issuing shares Paying dividends in shares in 2015 at a rate of 12%</i>	21,600,000,000	201,600,000,000	20,160,000
4	17/1/2018	Phát hành cổ phiếu Chi cổ tức bằng Cổ phiếu năm 2016 tỷ lệ 12%. <i>Issuing shares Paying dividends in shares in 2016 at a rate of 12%</i>	24,192,000,000	225,792,000,000	22,579,200
5	10/6/2019	Phát hành trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu theo Quyết định số 46/QĐ/SGDHCM.	50,000,000,000	275,792,000,000	27,579,200

52
N
P
N
G
T

		<i>Issuance of convertible bonds to shares according to Decision No. 46/QĐ/SGDHCM</i>			
6	5/11/2019	Phát hành cổ phiếu Chi cổ tức bằng Cổ phiếu năm 2018 tỷ lệ 10%. <i>Issuing shares Paying dividends in shares in 2018 at a rate of 10%</i>	27,579,200,000	303,371,200,000	30,337,120
7	14/12/2020	Phát hành cổ phiếu Chi cổ tức bằng Cổ phiếu năm 2019 tỷ lệ 5%. <i>Issuing shares Paying dividends in shares in 2019 at a rate of 5%</i>	15,168,560,000	318,539,760,000	31,853,976
8	18/1/2022	Phát hành cổ phiếu Chi cổ tức bằng Cổ phiếu năm 2020 tỷ lệ 5%. <i>Issuing shares Paying dividends in shares in 2020 at a rate of 5%</i>	15,926,990,000	334,466,750,000	33,446,675

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

❖ Không có cổ phiếu quỹ và phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ/ *No treasury stock and treasury stock transactions.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

❖ Không có phát sinh giao dịch chứng khoán khác trong năm/ *There were no other securities transactions during the year.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

✓ Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện đánh giá tác động môi trường, quan trắc định kỳ không khí 2 lần/ năm, các chỉ tiêu và kết quả thực hiện các chỉ tiêu về khí thải nhà kính Công ty đều thực hiện đúng theo quy định.

The Company conducts annual environmental impact assessments and periodic air quality monitoring twice a year. All indicators and results related to greenhouse gas emissions are carried out in compliance with current regulations.

✓ Thời gian quan trắc/ *Monitoring dates*:

+ Ngày 20/06/2024/ June 20, 2024

+ Ngày 28/11/2024/ November 28, 2024

31 HẠ H. S. P.H.

Tần suất quan trắc: 02 lần/năm/ *Monitoring frequency: Twice per year*

Qua kết quả phân tích môi trường không khí năm 2024, các thông số ô nhiễm sau khi phân tích đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép so với các quy chuẩn hiện hành: QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02,03:2019/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2023/BTNMT.

According to the 2024 air environment analysis report, all pollution parameters analyzed were within the permissible limits compared to current standards, including: QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02,03:2019/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 26:2010/BTNMT, and QCVN 05:2023/BTNMT.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

Trong năm 2024 Công ty chưa có các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.
In 2024, the Company has not yet implemented any initiatives or measures to reduce greenhouse gas emissions.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo (năm 2024) và năm gần nhất (năm 2023):
Product Volume for the Reporting Year (2024) and the Most Recent Year (2023)

Bảng 1: Khối lượng sản phẩm NM1/ *Table 1: Product Volume of Factory 1*

STT/No	Tên sản phẩm/Product Name	Đơn vị/Unit	Khối lượng/Volume	
			Năm 2024/Year 2024	Năm 2023/Year 2023
1	Bồn inox/Stainless Steel Water Tank	Cái	25.054	22.399
2	Bồn nhựa/Plastic Water Tank	Cái	11.576	11.576

Bảng 2: Khối lượng sản phẩm NM2/ *Table 2: Product Volume of Factory 2*

STT	Tên sản phẩm/Product Name	Đơn vị/Unit	Khối lượng/Volume	
			Năm 2024/Year 2024	Năm 2023/Year 2023
1	Bồn nhựa chứa nước/Plastic Water Storage Tank	Cái	31.727	21.000

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ: Không có
The percentage of recycled materials used in the production of products and services: None.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

Nhu cầu sử dụng nhiên liệu/Fuel Consumption Needs

STT	Nhiên liệu/Fuel Type	Đơn vị/Unit	Năm 2024/ Year 2024	Năm 2023/Year 2023
1	Dầu DO	Lít/năm	270	200

❖ *Nhu cầu sử dụng điện /Electricity Consumption Needs*

STT	Nhiên liệu/Fuel Type	Đơn vị/Unit	Năm 2024/ Year 2024	Năm 2023/Year 2023
1	Điện	Kwh/năm	535.648	478.554

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn sử dụng nguồn điện được cấp từ Chi nhánh tổng công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty điện lực Hóc Môn, điện sử dụng cho mục đích chiếu sáng, chạy máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở, mức tiêu thụ năm 2024 so với năm 2023 theo bảng đính kèm.

Saigon Son Ha Joint Stock Company uses electricity supplied by the Ho Chi Minh City Power Corporation – Hoc Mon Power Company Branch. The electricity is used for lighting and operating machinery and equipment serving the facility's operations. The electricity consumption in 2024 compared to 2023 is presented in the attached table.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Công ty không có phát sinh/ *The company did not incur any.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

Công ty không có phát sinh/ *The company did not incur any.*

6.4. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

STT	Nhiên liệu/Fuel Type	Đơn vị/Unit	Năm 2024/ Year 2024	Năm 2023/Year 2023
1	Nước/Water	m ³ /năm m ³ /year	4.454	4.572

• *Trong năm 2023:*

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn sử dụng nguồn nước cấp từ Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV. Nước sử dụng cho sinh hoạt của công nhân viên; rửa bồn; nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải, tưới cây; rửa đường.... Theo báo cáo định kỳ năm 2023, lượng nước cơ sở sử dụng khoảng 4.572 m³/năm, tương đương với 12.7 m³/ngày.

• *In 2023:*

Son Ha Sai Gon Joint Stock Company sourced its water supply from Saigon Water Corporation – One Member Limited Liability Company (SAWACO). Water was used for employee daily needs, tank washing, supplying the exhaust gas treatment system, irrigation, street cleaning, etc. According to the 2023 annual report, the facility consumed approximately 4,572 m³/year, equivalent to 12.7 m³/day

• *Trong năm 2024:*

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn sử dụng nguồn nước cấp từ Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV. Nước sử dụng cho sinh hoạt của công nhân viên; rửa bồn; nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải; tưới cây; rửa đường,...

Theo hóa đơn nước trong năm 2024, lượng nước cơ sở sử dụng khoảng 4.454 m³/năm, tương đương với 12,4 m³/ngày.

• **In 2024:**

Son Ha Sai Gon Joint Stock Company continued to use water supplied by Saigon Water Corporation – One Member Limited Liability Company (SAWACO). Water was used for employee daily needs, tank washing, supplying the exhaust gas treatment system, irrigation, street cleaning, etc.

According to water bills in 2024, the facility consumed approximately 4,454 m³/year, equivalent to 12.4 m³/day

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

Lượng nước sử dụng được Công ty thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Công ty, hiện tại hệ thống xử lý nước thải được công ty vận hành liên tục, nước thải được xử lý hiệu quả, đảm bảo nước thải đầu ra đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của QCVN 40:2011/BTNMT, cột B và xả ra môi trường, không dùng tái chế và tái chế sử dụng.

The water used by the Company is collected into the Company's wastewater treatment system, which is currently operated continuously. The wastewater is effectively treated to ensure that the output meets the discharge limits according to Column B of QCVN 40:2011/BTNMT (Vietnamese National Technical Regulation on Industrial Wastewater) before being discharged into the environment. The treated water is not reused or recycled.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Trong năm 2024 Công ty không có đoàn kiểm tra của cơ quan chức năng tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn cam kết thực hiện và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

In 2024, there were no inspections conducted by regulatory authorities at Son Ha Sai Gon Joint Stock Company. The Company affirms its commitment to fully complying with all legal regulations on environmental protection.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

Không bị phạt do vi phạm/ *No penalties were imposed for any violations.*

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

Loại lao động/ Type of labor	Năm 2024/ Year 2024		Năm 2023/ Year 2023	
	Số lượng/ Quantity (Người/ People)	Tỷ lệ/ Proportion (%)	Số lượng/ Quantity (Người/ People)	Tỷ lệ/ Proportion (%)
Phân loại theo trình độ/ Classification by level	292	100%	294	100%
+ Trên Đại học/ Above University	0		0	
+ Đại học/ University	62	21%	67	23%
+ Cao đẳng, trung cấp/College, secondary school	70	24%	40	14%
+ Công nhân kỹ thuật/Technical worker	29	10%	163	8%

+ Lao động khác/Other labor	131	45%	24	55%
Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động / Classification by nature of labor contract	292	100%	294	100%
+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn/Indefinite term employment contract.	168	58%	179	61%
+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (1 - 3 năm)/ Fixed term employment contract (1 - 3 years)	124	42%	115	39%
+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn (dưới 1 năm)/ Fixed term employment contract (less than 1 year)	0	0%	0	0%
Tổng cộng:	292	100%	294	100%

Mức lương bình quân của mỗi lao động là : 12.156.811 đồng/tháng/ The average salary per employee is 12,156,811 VND per month

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

Trong năm, các chính sách đối với người lao động được Công ty duy trì và thực hiện đầy đủ nhằm tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu Công ty đặt ra cao nhất, các chính sách cụ thể/ During the year, the Company maintained and fully implemented policies towards employees to create a friendly and effective working environment and fulfill the highest targets set by the Company, specific policies:

- ❖ Tổ chức du lịch, nghỉ mát cho cán bộ Công nhân viên hàng năm/ Organize annual travel and vacation for staff.
- ❖ Chế độ chính sách BHXH (ốm đau, bệnh nghề nghiệp, thai sản, tai nạn lao động...)/ Social insurance policies (sickness, occupational diseases, maternity, work accidents...)
- ❖ Chính sách Bảo hiểm thất nghiệp/ Unemployment insurance policies.
- ❖ Chính sách tham gia Bảo hiểm 24 giờ/ 24-hour insurance participation policy.
- ❖ Tổ chức sinh nhật hàng tháng, tặng quà khuyến học cho con em cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ như Quốc tế thiếu nhi, tết trung thu/ Organize monthly birthdays, give gifts to encourage learning for staff's children on holidays such as International Children's Day, Mid-Autumn Festival.
- ❖ Các hoạt động thể thao sau giờ làm việc, tạo môi trường gắn bó, gắn kết lại giữa người lao động và Công ty/ Sports activities after work hours, creating a bonding environment between employees and the Company.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/Employee training

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff

- ❖ Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần, chế độ nghỉ theo quy định của Luật lao động. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Working Hours: The Company operates on an 8-hour workday, 6 days a week, with leave policies in accordance with the Labor Law. In cases where production or business progress requires, employees are responsible for working overtime. The Company has established regulations to ensure employees' rights are protected under state law and offers fair compensation for overtime. Indirect departments follow standard office hours, while direct labor departments are scheduled in shifts.

- ❖ Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm đau thai sản được tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
Leave Policies: Annual leave, public holidays, Tet (Lunar New Year), sick leave, and maternity leave are granted in full compliance with the Labor Law, ensuring the protection of employee rights.

- ❖ Tuần làm việc từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần, chủ nhật được nghỉ.

Work Week: The standard workweek runs from Monday to Saturday, with Sundays off.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

- ❖ Công ty luôn đào tạo hội nhập cho các cán bộ công nhân viên mới vào làm.
The Company consistently provides onboarding training for all new employees.
- ❖ Đào tạo chuyên môn đối với khối phòng ban do Trưởng phòng phụ trách.
Professional training for departmental staff is conducted under the responsibility of the respective department heads.
- ❖ Đào tạo kỹ năng hàng năm cho các cán bộ nhân viên chủ chốt và các cán bộ nhân viên liên quan định kỳ, hàng năm hoặc các chương trình liên quan khác.
Annual skill development programs are organized for key personnel and other relevant employees on a periodic or yearly basis, including other related training initiatives.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- ❖ Duy trì thực hiện công tác quản lý chất thải nguy hại và môi trường theo đúng quy định của pháp luật.
Maintain hazardous waste and environmental management in strict compliance with legal regulations.
- ❖ Tiếp tục duy trì thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải qua các hợp đồng mà Công ty đã ký, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật.
Continue collecting, sorting, storing, transporting, and treating waste through existing contracts to ensure full legal compliance.
- ❖ Thực hiện khai báo chứng từ chất thải nguy hại và báo cáo định kỳ về công tác quản lý chất thải nguy hại đầy đủ theo đúng quy định.
Accurately declare hazardous waste documents and submit periodic reports on hazardous waste management as required by regulations.
- ❖ Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý chất thải nguy hại.
Continuously improve and refine hazardous waste management processes
- ❖ Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 110m². Kho được thiết kế kiểu kho kín, có mái che, nền cao được lát bê tông và đặt tại nơi có cao đảm bảo xa khu dân cư, khu lán trại để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên; bố trí cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.
Allocate a 110m² hazardous waste storage facility, designed as an enclosed warehouse with a roof and elevated concrete flooring. The facility is strategically located away from residential areas and worker camps to prevent impacts from rain, floods, and ensure employee safety. Fire hazard warnings are installed in the storage area.
- ❖ Đóng góp vào ngân sách nhà nước theo quy định về các chương trình từ cơ quan quản lý đại phương về kế hoạch bảo vệ môi trường.
Contributions to the state budget are made in accordance with regulations, including local government programs related to environmental protection plans.
- ❖ Thùng chứa CTNH được dán tên, mã chất thải theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

ngày 10/01/2022

MIỄN QUẢN LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Hazardous waste containers are labeled with names and waste codes in accordance with Circular 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.

❖ Công ty chưa phát sinh Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh/ The Company has not yet engaged in or issued any reports pertaining to activities in the green capital market.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).

DVT/ UOM: Đồng(VND)

STT/ No	Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023/ Year 2023	Năm 2024/ Year 2024	% Tăng giảm/ % change	Biến động tăng giảm so với năm 2023/ Fluctuation compared to 2023
1	Tổng doanh thu/ Total revenue	1,090,193,341,787	1,149,446,113,224	105.4%	59,252,771,437
1.1	Doanh thu thuần / Net revenue	1,083,614,766,476	1,140,368,603,052	105.2%	56,753,836,576
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	5,726,407,671	8,680,121,522	151.6%	2,953,713,851
1.3	Thu nhập khác/Other income	852,167,640	397,388,650	46.6%	-454,778,990
2	Tổng giá vốn, chi phí/ Total cost of goods sold and expenses	1,074,540,180,719	1,133,099,944,933	105.4%	58,559,764,214
2.1	Giá vốn hàng bán/ Cost of goods sold (COGS)	938,894,283,018	1,002,430,915,096	106.8%	63,536,632,078
2.2	Chi phí tài chính/Financial expenses	44,067,810,115	36,673,635,993	83.2%	-7,394,174,122
2.3	Chi phí bán hàng/Selling expenses	66,680,200,471	70,950,903,842	106.4%	4,270,703,371

2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp/General and administrative expenses	24,850,841,570	22,965,780,663	92.4%	-1,885,060,907
2.5	Chi phí khác/Other expenses	47,045,545	78,709,339	167.3%	31,663,794
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ Profit before tax	15,653,161,068	16,346,168,291	104.4%	693,007,223
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Profit after tax	12,386,563,662	13,496,271,605	109.0%	1,109,707,943

Những biến động/ Key Variations:

- + **Doanh thu thuần:** Tăng 5.24% tương đương 56.7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do doanh thu ngành hàng gia dụng tăng.
Net Revenue: Increased by 5.24%, equivalent to VND 56.7 billion compared to the same period last year, mainly due to a rise in revenue from household goods.
- + **Giá vốn:** Doanh thu thuần tăng dẫn đến giá vốn hàng bán tăng tương ứng 6.77% tương đương với 63.5 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng của giá vốn cao hơn tỷ lệ tăng của doanh thu thuần là do giá nguyên vật liệu chính, giá nhập mua hàng hóa và chi phí sản xuất tăng so với cùng kỳ năm trước.
Cost of Goods Sold (COGS): Net revenue growth led to a corresponding increase in COGS by 6.77%, equivalent to VND 63.5 billion. The higher rate of increase in COGS compared to net revenue was due to higher costs of raw materials, purchase prices of goods, and production expenses compared to the same period last year.
- + **Lợi nhuận gộp:** Với tỷ lệ tăng doanh thu và giá vốn như trên thì lợi nhuận gộp giảm 4.7% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 6.78 tỷ đồng.
Gross Profit: Due to the above changes in revenue and COGS, gross profit decreased by 4.7% compared to the same period last year, equivalent to VND 6.78 billion.
- + **Doanh thu hoạt động tài chính:** Tăng 2.9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do tiền chiết khấu thanh toán Công ty nhận được từ nhà cung cấp kỳ này tăng.
Financial Income: Increased by VND 2.9 billion compared to the same period last year, mainly due to higher payment discounts received from suppliers during the period.
- + **Chi phí tài chính:** Giảm 16.7% so với cùng kỳ năm trước tương đương với 7.39 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do lãi suất khoản vay giảm.
Financial Expenses: Decreased by 16.7%, equivalent to VND 7.39 billion, primarily due to a reduction in loan interest rates.
- + **Chi phí bán hàng:** Tăng 6.4% tương đương 4.2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do chi phí công tác, xăng dầu tăng.
Selling Expenses: Increased by 6.4%, equivalent to VND 4.2 billion, mainly due to higher travel and fuel costs.
- + **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Giảm 1.88 tỷ đồng so với cùng kỳ Nguyên nhân do tối ưu hoá chi phí quản lý, chi phí đầu tư, chi phí quản lý văn phòng.
General and Administrative Expenses: Decreased by VND 1.88 billion compared to the same period last year as a result of cost optimization in management, investment, and office administration.
- + **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế:** Do các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận kinh doanh trước thuế trong kỳ tăng 7.94% tương đương 1.17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
Operating Profit Before Tax: As a result of the above factors, operating profit before tax for the period increased by 7.94%, equivalent to VND 1.17 billion compared to the same period last year.
- + **Lợi nhuận khác:** Giảm 486 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do kỳ trước nhận được chiết khấu mua nguyên vật liệu năm 2022.
Other Income: Decreased by VND 486 million compared to the same period last year, as the prior period recorded a discount received from the purchase of raw materials in 2022.
- + **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:** Với các biến động kể trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước với tỷ lệ 8.96% tương ứng 1.1 tỷ đồng.

Net Profit After Corporate Income Tax: Due to the above fluctuations, net profit after tax in 2024 increased by 8.96%, equivalent to VND 1.1 billion compared to the same period last year.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

- + Doanh số tăng trước tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn/ Sales increased despite ongoing economic challenges.
- + Kiểm soát, quản lý chi phí quản lý đạt kết quả tốt so với cùng kỳ/ Administrative expenses were well-controlled and managed effectively compared to the same period last year.

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

DVT/ UOM: Đồng(VND)

ST T/ No	Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2023/ Year 2023	Năm 2024/Year 2024	% Tăng giảm/ % change	Biến động tăng giảm so với năm 2023/ Fluctuation compared to 2023
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue from sales of goods and services	1,083,614,766,476	1,140,368,603,052	105.2%	56,753,836,576
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/Profit before tax	15,653,161,068	16,346,168,291	104.4%	693,007,223
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN/Profit after corporate income tax.	12,386,563,662	13,496,271,605	109.0%	1,109,707,943
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)/Earnings per share (VND)	370	404	109.2%	34
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN/ Total assets	1,012,228,435,555	1,058,621,150,713	104.6%	46,392,715,158
5.1	Tài sản ngắn hạn/Current assets	813,302,755,165	876,628,946,775	107.8%	63,326,191,610
5.2	Tài sản dài hạn / Non-current assets	198,925,680,390	181,992,203,938	91.5%	-16,933,476,452
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN/ Total liabilities and equity	1,012,228,435,555	1,058,621,150,713	104.6%	46,392,715,158
6.1	Nợ phải trả/ Liabilities	599,158,140,361	632,330,583,914	105.5%	33,172,443,553
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu/ Owner's Equity ratio	413,070,295,194	426,290,566,799	103.2%	13,220,271,605
7	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net cash flow from operating activities	-26,578,217,860	16,038,175,142	-60.3%	42,616,393,003
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư/ Net cash flow from investing activities.	-26,555,541,151	-8,270,325,759	31.1%	18,285,215,392
9	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính/ Net cash flow from financial activities.	49,373,242,411	21,850,374,796	44.3%	-27,522,867,615
10	Tiền và tương đương tiền cuối năm/ Cash and cash equivalents at the end of the year	39,777,636,400	69,395,860,579	174.5%	29,618,224,179

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).

Tổng tài sản tăng 4.6% tương đương 46.4 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do:

Total assets increased by 4.6%, equivalent to VND 46.4 billion, mainly due to the following reasons.

- + Tiền và các khoản tương đương tiền tăng so với cùng kỳ 74.5% tương đương 29.6 tỷ → Nguyên nhân ghi nhận các khoản doanh thu tăng nên nguồn tiền thu hồi cuối năm tăng so với cùng kỳ.
Cash and cash equivalents increased by 74.5%, equivalent to VND 29.6 billion → This was primarily due to higher recorded revenue, leading to increased cash collections at year-end compared to the same period last year.
- + Các khoản đầu tư tài chính tăng so với cùng kỳ 119.8% tương đương 23 tỷ → Nguyên nhân ghi nhận công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn so với cùng kỳ.
Short-term financial investments increased by 119.8%, equivalent to VND 23 billion → This was due to the recognition of new short-term financial investments made by the Company compared to the same period.
- + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 2.7% tương đương 7.5 tỷ → Nguyên nhân ghi nhận doanh thu tăng nên Công nợ tăng so với cùng kỳ.
Short-term receivables increased by 2.7%, equivalent to VND 7.5 billion → The increase was attributed to higher recorded revenue, resulting in higher receivables compared to the same period.
- + Các khoản phải thu khác tăng 11.3% tương đương 3.2 tỷ → Nguyên nhân ghi nhận Công ty tăng các khoản tạm ứng phục vụ quá trình mua vật tư hàng hóa.
Other receivables increased by 11.3%, equivalent to VND 3.2 billion → The increase was due to the Company recording more advances for the procurement of materials and goods.
- + Hàng tồn kho tăng 0.9 % tương đương 4.06 tỷ → Nguyên nhân ghi nhận tỷ lệ hàng tồn kho không biến động do doanh thu tăng nhưng hàng tồn kho tăng theo tỷ lệ được kiểm soát tốt.
Inventories increased by 0.9%, equivalent to VND 4.06 billion → The inventory ratio remained stable as the increase in inventory was proportional to the increase in revenue and was well controlled.
- + Tài sản ngắn hạn giảm 36.1% tương đương 5.8 tỷ → Nguyên nhân ghi nhận chủ yếu do thuế giá trị gia tăng đầu vào giảm so với cùng kỳ.
Short-term assets decreased by 36.1%, equivalent to VND 5.8 billion → This was mainly due to a reduction in input value-added tax compared to the same period.
- + Tài sản dài hạn giảm 8.5% tương đương 16.9 tỷ đồng → Nguyên nhân ghi nhận chi phí khấu hao giảm nên dẫn đến tổng tài sản dài hạn giảm cùng.
Long-term assets decreased by 8.5%, equivalent to VND 16.9 billion → This was due to lower depreciation expenses, resulting in a decrease in total long-term assets.

Với các biến động trên nên tăng 4.6% tương đương 46.4 tỷ đồng so với cùng kỳ.

With the above fluctuations, total assets increased by 4.6%, equivalent to VND 46.4 billion compared to the same period last year.

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Nợ phải trả tăng 5.5% so với cùng kỳ tương đương 33.2 tỷ, nguyên nhân ghi nhận:

Liabilities increased by 5.5% compared to the same period, equivalent to VND 33.2 billion, mainly due to the following reasons:

- + Công nợ phải trả cho nhà cung cấp tăng 28.5% tương đương 8.2 tỷ → Nguyên nhân ghi nhận do doanh thu tăng nên hàng nhập mua NCC tăng so với cùng kỳ.

Payables to suppliers increased by 28.5%, equivalent to VND 8.2 billion → This was due to an increase in purchases from suppliers in line with the rise in revenue compared to the same period.

- + Chi phí phải trả ngắn hạn tăng 3.6 tỷ đồng tương đương 81.6% → Nguyên nhân ghi nhận các khoản trích trước chương trình bán hàng tăng so với cùng kỳ.

Short-term accrued expenses increased by VND 3.6 billion, equivalent to 81.6% → This was due to an increase in accrued expenses related to sales promotion programs compared to the same period last year.

- + Phải trả người lao động tăng 17.5% tương đương 756 triệu → Nguyên nhân ghi nhận từ doanh thu tăng nên lương cho kinh doanh tăng so với cùng kỳ.

Payables to employees increased by 17.5%, equivalent to VND 756 million → This was driven by higher business-related salaries in line with the increase in revenue.

- + Các khoản vay nợ thu tài chính ngắn hạn tăng 4.1% tương đương 22.5 tỷ → Nguyên nhân ghi nhận phục vụ nguồn vốn lưu động công ty.

Short-term borrowings and financial liabilities increased by 4.1%, equivalent to VND 22.5 billion → This was recorded to meet the Company's working capital needs.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.

Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 ghi nhận các khoản Công nợ phải trả nằm trong phạm vi, khả năng trả nợ của Công ty, không có khoản nào ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái.

(chi tiết các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 đã được kiểm toán đính kèm).

As of December 31, 2024, the Company's payables are within its debt repayment capacity, with no items affected by foreign exchange rate differences.

(Details of the payables as of December 31, 2024, have been audited and are attached.)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	37,109,991,877	37,109,991,877	28,885,658,669	28,885,658,669
- Công ty TNHH Posco VST	3,280,782,394	3,280,782,394	4,634,553,902	4,634,553,902
- Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5,912,164,041	5,912,164,041	1,887,248,632	1,887,248,632
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	19,220,046,907	19,220,046,907	10,055,515,981	10,055,515,981
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1,167,429,513	1,167,429,513	-	-
- Các đối tượng khác	7,529,569,022	7,529,569,022	12,308,340,154	12,308,340,154
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	37,109,991,877	37,109,991,877	28,885,658,669	28,885,658,669

	31/12/2024		01/01/2024	
	Balance	Amount that can be settled	Balance	Amount that can be settled
	VND	VND	VND	VND
a) Short-term	37,109,991,877	37,109,991,877	28,885,658,669	28,885,658,669
- Posco VST Co., Ltd.	3,280,782,394	3,280,782,394	4,634,553,902	4,634,553,902
- Son Ha SSP Vietnam Sole Member Co., Ltd.	5,912,164,041	5,912,164,041	1,887,248,632	1,887,248,632
- Son Ha Green Group Joint Stock Company	19,220,046,907	19,220,046,907	10,055,515,981	10,055,515,981
- Son Ha Development of Renewable Energy Joint Stock Con	1,167,429,513	1,167,429,513	-	-
- Other parties	7,529,569,022	7,529,569,022	12,308,340,154	12,308,340,154
b) Long-term	-	-	-	-
Total	37,109,991,877	37,109,991,877	28,885,658,669	28,885,658,669

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

Năm 2024 Công ty vẫn duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, nhân sự, quản lý. Công ty luôn chú trọng đào tạo Công tác nội bộ để nâng cao chất lượng của Công nhân viên Công ty.

In 2024, the company maintained stability in its organizational structure, personnel, and management. The company consistently focused on internal training to enhance the quality of its employees.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future.

- Kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí, giá thành hoạt động sản xuất, kinh doanh để đạt được hiệu quả tốt nhất.

Strictly monitor, control, and supervise costs and production expenses to achieve optimal efficiency.

- Tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả ngành hàng gia dụng và công nghiệp.

Continue focusing on effective business operations in the household and industrial sectors.

- Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm khách hàng mới, tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng để đưa ra những sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

Enhance the efficiency of sales channels by expanding the search for new customers and continuously researching market trends to develop products that meet market demands.

- Tiếp tục phát triển hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh.

Continue improving the operational efficiency of branch systems.

- Xây dựng chính sách thu nhập gắn với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

Develop an income policy linked to business performance.

- Tăng cường kiểm tra tuân thủ an toàn trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Strengthen compliance checks on production safety and improve product quality.

- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ nhằm giảm rủi ro về tài chính công ty.

Enhance supervision through auditing and internal control activities to minimize financial risks.

- Đa dạng hóa sản phẩm, cho ra thị trường những sản phẩm, nhãn hàng mới.

Diversify products and introduce new brands and products to the market.

- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, tạo môi trường hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động.

Continue improving employees' living standards and income, enhancing the working environment to foster creativity, commitment, and dedication.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

Báo cáo kiểm toán năm 2024 được chấp nhận toàn phần, không có ý loại trừ của kiểm toán, các giải trình về biến động tình hình tài chính chi tiết Công ty đã công bố báo tại cáo tài chính đầy đủ trên Website Công ty tại địa chỉ : <http://sonhasg.com.vn>.

The 2024 audit report was fully accepted without any exceptions from the auditor. Detailed explanations of financial fluctuations have been fully disclosed in the financial statements, which are available on the company's website at: <http://sonhasg.com.vn>.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).

Tiêu thụ nước/ water consumption:

STT	Nhiên liệu/Fuel Type	Đơn vị/Unit	Năm 2024/ Year 2024	Năm 2023/Year 2023
1	Nước/Water	m ³ /năm m ³ /year	4.454	4.572

• Trong năm 2023:

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn sử dụng nguồn nước cấp từ Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV. Nước sử dụng cho sinh hoạt của công nhân viên; rửa bồn; nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải, tưới cây; rửa đường.... Theo báo cáo định kỳ năm 2023, lượng nước cơ sở sử dụng khoảng 4.572 m³/năm, tương đương với 12.7 m³/ngày.

• In 2023:

Son Ha Sai Gon Joint Stock Company sourced its water supply from Saigon Water Corporation – One Member Limited Liability Company (SAWACO). Water was used for employee daily needs, tank washing, supplying the exhaust gas treatment system, irrigation, street cleaning, etc. According to the 2023 annual report, the facility consumed approximately 4,572 m³/year, equivalent to 12.7 m³/day

• Trong năm 2024:

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn sử dụng nguồn nước cấp từ Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV. Nước sử dụng cho sinh hoạt của công nhân viên; rửa bồn; nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải; tưới cây; rửa đường,... Theo hóa đơn nước trong năm 2024, lượng nước cơ sở sử dụng khoảng 4.454 m³/năm, tương đương với 12,4 m³/ngày.

• In 2024:

Son Ha Sai Gon Joint Stock Company continued to use water supplied by Saigon Water Corporation – One Member Limited Liability Company (SAWACO). Water was used for employee daily needs, tank washing, supplying the exhaust gas treatment system, irrigation, street cleaning, etc. According to water bills in 2024, the facility consumed approximately 4,454 m³/year, equivalent to 12.4 m³/day

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ công nhân viên về nguy cơ và hậu quả của các sự cố môi trường và biện pháp phòng ngừa ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại Công ty.

Strengthen communication efforts to raise awareness among employees about environmental risks, consequences, and preventive measures to handle and mitigate environmental incidents within the company.

- Chủ động tổ chức, kiểm tra, rà soát các khu vực có nguy cơ cao gây sự cố môi trường để có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Proactively inspect and review high-risk areas that may cause environmental incidents to implement preventive and responsive measures.

- Chủ động tổ chức, phối hợp với các đơn vị chức năng và có đủ năng lực để tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập, tăng cường năng lực phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

Actively coordinate with functional units and qualified organizations to conduct training, drills, and capacity-building programs for preventing, responding to, and mitigating environmental incidents.

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

- Duy trì thực hiện công tác quản lý chất thải nguy hại và môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Maintain hazardous waste and environmental management in strict compliance with legal regulations.

- Tiếp tục duy trì thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải qua các hợp đồng mà Công ty đã ký, đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật.

Continue collecting, sorting, storing, transporting, and treating waste through existing contracts to ensure full legal compliance.

- Thực hiện khai báo chứng từ chất thải nguy hại và báo cáo định kỳ về công tác quản lý chất thải nguy hại đầy đủ theo đúng quy định.

Accurately declare hazardous waste documents and submit periodic reports on hazardous waste management as required by regulations.

- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện công tác quản lý chất thải nguy hại.

Continuously improve and refine hazardous waste management processes.

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 110m². Kho được thiết kế kiểu kho kín, có mái che, nền cao được lát bê tông và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo xa khu dân cư, khu lán trại để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên; bố trí cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.

Allocate a 110m² hazardous waste storage facility, designed as an enclosed warehouse with a roof and elevated concrete flooring. The facility is strategically located away from residential areas and worker camps to prevent impacts from rain, floods, and ensure employee safety. Fire hazard warnings are installed in the storage area.

- Thùng chứa CTNH được dán tên, mã chất thải theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Hazardous waste containers are labeled with names and waste codes in accordance with Circular 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

The Company's consolidated financial statements are prepared and presented in compliance with Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System, and other legal regulations related to the preparation and presentation of the consolidated financial statements.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết Hội đồng được ban Ban Tổng giám đốc thực hiện theo đúng quy định của nghị quyết và điều lệ Công ty.

The resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors were implemented by the Executive Board in accordance with the provisions of the resolutions and the Company's charter.

- Về hoạt động môi trường và xã hội trong năm 2024, công tác thực hiện đúng, đầy đủ và tuân thủ theo đúng pháp luật về công tác bảo vệ môi trường tại Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn.

Regarding environmental and social activities in 2024, all tasks were carried out properly, fully, and in compliance with legal regulations on environmental protection at Son Ha Sai Gon Joint Stock Company.

- Bên cạnh đó việc bảo vệ môi trường, vệ sinh, an toàn lao động, các chính sách chăm lo cho đời sống người lao động luôn được Hội đồng quản trị đánh giá là chấp hành đúng quy định và điều lệ Công ty

In addition, environmental protection, hygiene, occupational safety, and employee welfare policies have consistently been assessed by the Board of Directors as being compliant with applicable laws and the Company's charter.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty / Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance.

Trong năm năm 2024, HĐQT Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám Đốc Công ty như sau :

In 2024, the Board of Directors of Son Ha Saigon Joint Stock Company conducted the following supervisory activities for the Company's Board of Directors.

- Triệu tập và tổ chức Đại hội Cổ Đông thường niên năm 2024 .

Convening and organizing the 2024 Annual General Meeting of Shareholders

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023, BCTC Quý 1, Quý 2, Báo cáo soát xét 6 tháng, Quý 3 năm 2024.

Audit of Financial Report 2023, Quarter 1, Quarter 2, Quarter 3, 6-month Report

- Họp và ban các Quyết định về cấp hạn mức tín dụng và phê chuẩn các tờ trình vay vốn.

Meeting and issuing decisions on granting credit limits and approving loan proposals.

- Kiểm soát các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn và chủ động phòng ngừa những rủi ro.

Control activities to ensure safety and proactively prevent risks.

- Thực hiện các hoạt động giám sát khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị đối với ban điều hành và các cán bộ quản lý khác .

Carry out other supervisory activities within the authority of the Board of Directors over the executive board and other management personnel.

Thông qua các kết quả thực hiện được trong năm 2024, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng các định hướng được đại hội đồng Cổ đông thông qua và các nghị quyết được Hội đồng quản trị ban hành.

Based on the results achieved in 2024, the Board of Directors evaluates that the Executive Board has effectively followed the directions approved by the General Meeting of Shareholders and has properly implemented the resolutions issued by the Board of Directors.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors.*
Trong năm 2025, Hội đồng quản trị có những kế hoạch định hướng/*In 2025, the Board of Directors has outlined the following strategic directions and plans:*

- Luôn luôn theo dõi và cập nhật những diễn biến tình hình kinh tế, biến động thương mại toàn cầu, lạm phát kinh tế trong nước và trên thế giới để ban hành các chính sách, quyết định tốt nhất nhằm đạt được doanh thu và lợi nhuận tốt nhất theo kế hoạch kinh doanh.
Constantly monitor and update developments in the economic situation, global trade fluctuations, and inflation both domestically and internationally to issue the best policies and decisions aimed at achieving the highest possible revenue and profit in line with the business plan.
- Kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí, giá thành hoạt động sản xuất, kinh doanh để đạt được hiệu quả tốt nhất.
Closely inspect, control, and supervise costs and production/business expenses to ensure optimal efficiency.
- Tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả ngành hàng gia dụng và công nghiệp.
Continue to focus on efficient production and business operations in the household and industrial goods sectors.
- Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm khách hàng mới, tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng để đưa ra những sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.
Improve the effectiveness of sales channels by expanding customer outreach, continuing market research to understand customer preferences, and introducing products that meet market demand.
- Nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả từ Công ty con và nhà máy trực thuộc.
Enhance production capacity and efficiency from subsidiaries and affiliated factories
- Tiếp tục phát triển hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh.
Continue to develop the operational effectiveness of the branch network.
- Xây dựng chính sách thu nhập gắn với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.
Develop income policies tied to the company's business performance.
- Tăng cường kiểm tra tuân thủ an toàn trong sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
Strengthen safety compliance inspections in production, and improve product and goods quality.
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ nhằm giảm rủi ro về tài chính công ty.
Reinforce supervision through audit activities and internal controls to minimize financial risks for the company
- Đa dạng hóa sản phẩm, cho ra thị trường những sản phẩm, nhãn hàng mới.
Diversify products and launch new products and brands into the market.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, tạo môi trường hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động.
Continue improving employee living standards and income, enhance the working environment, and foster a dynamic, creative, and committed workforce.

Với kết quả đạt được năm 2024 và dự báo về tình hình năm 2025, HĐQT đặt kế hoạch năm 2025 như sau :

Based on the results achieved in 2024 and forecasts for 2025, the Board of Directors has set the following business targets for 2025:

- + Doanh thu thuần/Net Revenue : 1.100 tỷ (Một nghìn, một trăm tỷ đồng)/ 1,100 billion
- + Lợi nhuận sau thuế /Profit After Tax : 20 tỷ (Hai mươi tỷ đồng)/ 20 billion
- + Cổ tức /Dividend : 5% / mệnh giá cổ phần/5% of par value per share

V. Quản trị công ty/*Corporate governance*

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares

and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

Stt . No	Thành viên HĐQT/Board of Directors' members	Chức vụ/Position	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Ghi Chú /Note
			Số cổ phiếu / Number of shares	Tỷ lệ %/ Ratio or Percentage%	Số cổ phiếu / Number of shares	Tỷ lệ %/ Ratio or Percentage%	
1	Ông Lê Hoàng Hà Mr Le Hoang Ha	CT HĐQT/ Chairman	2,879,553	8.60%	4,468,894	13.36%	
2	Ông Lê Văn Ngà Mr Le Van Nga	TV HĐQT/ Member	0	0%	0	0%	
3	Ông Lê Văn Thành Mr Le Van Thanh	TV HĐQT độc lập/Independent member	0	0%	0	0%	
4	Bà Trịnh Thị Phương Linh Ms Trinh Thi Phuong Linh	TV HĐQT độc lập/Independent member	1,470,155	4.40%	1,470,155	4.40%	
5	Bà Phạm Thị Uyên Ms Phạm Phuong Uyên	TV HĐQT độc lập/Independent member	0	0%	0	0%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the *committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The *list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban mà thực hiện phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT trong quản trị các hoạt động của Công ty.

The Board of Directors does not establish subcommittees but assigns tasks to Board members in managing the Company's activities.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/Attendance rate	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
1	Ông Lê Hoàng Hà CT HĐQT	5	100%	

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

Stt . No	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Chức vụ/Position	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Ghi Chú /Not e
			Số cổ phiếu / Number of shares	Tỷ lệ %/ Ratio or Percentag e%	Số cổ phiếu / Number of shares	Tỷ lệ %/ Ratio or Percen tage%	
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn Mr Nguyen Van Tuan	Trưởng ban kiểm soát Head of control committee	0	0%	0	0%	
2	Bà Lê Hoàng Anh Ms Le Hoang Anh	TV Ban kiểm soát Board of Supervisors	0	0%	0	0%	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Loan Ms Nguyen Thi Kim Loan	TV Ban kiểm soát Board of Supervisors	74	0%	74	0%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/ Audit Committee's meetings, their contents and results*).

Các cuộc họp của ban kiểm soát/ *Meetings of the Supervisory Board*

Stt No.	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán Members of Board of Supervisors/Audit Committee	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Ông Nguyễn Văn Tuấn Mr Nguyen Van Tuan	3	100%	100%	
2	Bà Lê Hoàng Anh Ms Le Hoang Anh	3	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Loan Ms Nguyen Thi Kim Loan	3	100%	100%	

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Assessing activities of the Board of Supervisors*

❖ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị/*Supervision of the Board of Directors* :

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện các cuộc giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát ghi nhận Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 (năm) cuộc họp của HĐQT và 01 (một) cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 để đưa ra một số quyết định, nghị quyết theo đúng quy định về điều lệ hoạt động của Công ty và Quy định của pháp luật, đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, các nghị quyết và quyết định được Hội đồng quản trị đưa ra như:

In 2024, the Board of Supervisors conducted supervisions of the Board of Directors. The Board of Supervisors noted that the Board of Directors held 05 (five) meetings of the Board of Directors and 01 (one) 2024 Annual General Meeting of Shareholders to make a number of decisions and resolutions in accordance with the provisions of the Company's charter and the provisions of law, promptly meeting the production and business requirements of the Company. The resolutions and decisions made by the Board of Directors are as follows:

- Triệu tập và tổ chức Đại hội Cổ Đông thường niên năm 2024 .
Convening and organizing the 2024 Annual General Meeting of Shareholders
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023, BCTC Quý 1, Quý 2, Báo cáo soát xét 6 tháng, Quý 3 năm 2024.
Audit of Financial Report 2023, Quarter 1, Quarter 2, Quarter 3, 6-month Report
- Hợp và ban các Quyết định về cấp hạn mức tín dụng và phê chuẩn các tờ trình vay vốn.
Meeting and issuing decisions on granting credit limits and approving loan proposals.
- Kiểm soát các hoạt động nhằm đảm bảo an toàn và chủ động phòng ngừa những rủi ro.
Control activities to ensure safety and proactively prevent risks.
- Thực hiện các hoạt động giám sát khác thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị đối với ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.
Carry out other supervisory activities within the authority of the Board of Directors over the executive board and other management personnel.

❖ Giám sát hoạt động của ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác/*Supervise the activities of the Board of Directors and other management staff:*

- Ban Kiểm Soát đã tiếp cận, rà soát một cách độc lập, khách quan các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác. Ban Kiểm Soát ghi nhận:
The Board of Supervisors has independently and objectively accessed and reviewed information and reports on the performance of the Board of Directors and other management staff. The Board of Supervisors noted that:
- Các cuộc họp của Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý đều có đại diện Ban kiểm soát tham dự và đóng góp ý kiến để xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, điều hành Công ty phù hợp và đúng quy định.
The meetings of the Board of Directors and management staff are attended by representatives of the Board of Supervisors and contribute ideas to build appropriate and regulated management and operation mechanisms and policies for the Company.

- Các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị được Ban Tổng giám đốc thống nhất cao và triển khai thực hiện đầy đủ theo định hướng của Hội Đồng Quản Trị và được thông tin kịp thời cho ban kiểm soát.
The resolutions of the Board of Directors are highly unanimous and fully implemented by the Board of Directors according to the Board of Directors' direction and are promptly informed to the Board of Supervisors.

- Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc năm 2024, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cơ bản đã thực hiện theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Regarding the activities of the Board of Directors in 2024, the Board of Directors and other management staff basically performed in accordance with the authority and responsibilities prescribed in the Company Charter

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits; (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Nonmaterial benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	804,780,000	780,878,000
1. TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	420,780,000	430.412.000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	384,000,000	350.466.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	631,076,000	683,835,000
1 Trưởng ban: Ông Nguyễn Văn Tuấn	234,707,000	241.481.000
2 Thành viên: Nguyễn Thị Kim Loan	204,244,000	216.376.000
3 Thành viên: Lê Hoàng Anh	192,125,000	225.978.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	204,000,000	204,000,000
1. Chủ tịch: Ông Lê Hoàng Hà	60,000,000	60.000.000
2. Thành viên: Ông Lê Văn Ngà	36,000,000	36.000.000
3. Thành viên: Ông Lê Văn Thành	36,000,000	36.000.000
4. Thành viên: Bà Trịnh Thị Phương Linh	36,000,000	36.000.000
5. Thành viên: Bà Phạm Thị Uyên	36,000,000	36.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	72,000,000	72,000,000
1 Trưởng ban: Ông Nguyễn Văn Tuấn	36,000,000	36.000.000
2 Thành viên: Nguyễn Thị Kim Loan	18,000,000	18.000.000
3 Thành viên: Lê Hoàng Anh	18,000,000	18.000.000
Cộng	1,711,856,000	1,740,713,000

Income of the Board of General Directors, Board of Management and Board of Supervisors

		Year 2024	Year 2023
Member	Position	VND	VND
Income of the Board of General Director		804,780,000	780,878,000
Ms. Ngo Thi Thanh Lan	General Director	420,780,000	430,412,000
Mr. Hoang Tuan Thanh	Deputy General Director	384,000,000	350,466,000
Salary of the Board of Supervisors		631,076,000	683,835,000
Mr. Nguyen Van Tuan	Chief Supervisor	234,707,000	241,481,000
Ms. Le Hoang Anh	Member	192,125,000	225,978,000
Ms. Nguyen Thi Kim Loan	Member	204,244,000	216,376,000
Remuneration of the Board of Management		204,000,000	204,000,000
Mr. Le Hoang Ha	Chairman	60,000,000	60,000,000
Mr. Le Van Nga	Member	36,000,000	36,000,000
Mr. Le Van Thanh	Member	36,000,000	36,000,000
Ms. Trinh Thi Phuong Linh	Member	36,000,000	36,000,000
Ms. Pham Thi Uyen	Member	36,000,000	36,000,000
Remuneration of the Board of Supervisors		72,000,000	72,000,000
Mr. Nguyen Van Tuan	Chief Supervisor	36,000,000	36,000,000
Ms. Le Hoang Anh	Member	18,000,000	18,000,000
Ms. Nguyen Thi Kim Loan	Member	18,000,000	18,000,000
Total		1,711,856,000	1,740,713,000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Number of shares owned at the beginning of the period		Number of shares owned at the end of the period		
No.	Transaction executor	Relationship with internal persons	Số cổ phiếu / Number of shares	Tỷ lệ %/ Ratio or Percentage%	Số cổ phiếu / Number of shares	Tỷ lệ %/ Ratio or Percentage%	
1	Công ty TNHH MTV Đầu Tư Tổng Hợp Lê Gia LE GIA GENERAL INVESTMENT ONE MEMBER COMPANY LIMITED	Công ty đại diện là Chủ tịch hội đồng quản trị. The representative company is the Chairman of the Board of Directors	5.010.888	14,98%	5.264.463	15.74%.	Tăng tỷ lệ sở hữu Increase ownership ratio

2	Ông Lê Hoàng Hà Mr: Le Hoang Ha	Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chairman	2.879.553	8.61%	4.468.894	13.36%	Tăng tỷ lệ sở hữu Increase ownership ratio
---	------------------------------------	---	-----------	-------	-----------	--------	---

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

- Công ty có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan (danh sách các bên liên quan theo phụ lục đính kèm). Đây là các giao dịch mua bán hàng hóa, bán thành phẩm cũng như công nợ phát sinh, các giao dịch này diễn ra thường xuyên, liên tục là hoạt động bình thường của Công ty trên cơ sở công bằng.

The company engages in transactions with related parties (a list of related parties is attached in the appendix). These transactions include the purchase and sale of goods, semi-finished products, and arising liabilities. These transactions occur regularly and continuously as part of the company's normal operations on a fair and equitable basis.

- Danh sách các bên liên quan theo phụ lục đính kèm.

The list of related parties is provided in the attached appendix.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty/	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Ghi chú
No.	Name of organization/individual	Relationship with the Company	Time of transactions with the Company	Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Content, quantity, total value of transaction	Note
1	Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con.	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-ĐHĐCĐ	- Mua HH: 327,956,107,474 đồng. - Điều chuyển lợi nhuận: 20,000,000,000 đồng - Bán HH: 11,652,152,969 đồng	

	SONHA - CHU LAI INTERNATIONAL SOLE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY	Subsidiary	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHDCĐ	- Purchase: 327,956,107,474 VND. - Profit transfer: 20,000,000,000 VND - Sell: 11,652,152,969 VND	
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHDCĐ	0 đ	
	SONHA INDUSTRY SOLE MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY	Subsidiary of Son Ha Chu Lai International Company Limited	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHDCĐ		
3	Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHDCĐ	0 đ	
	Son Ha International Corporation	Related Companies of Key Members	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHDCĐ		
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Công ty Ông Lê Hoàng Hà Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHDCĐ	0 đ	
	SON HA GENERAL TRADING DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY	Mr. Le Hoang Ha, Chairman of the Board of Directors, is the Chairman.	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHDCĐ		
5	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHDCĐ	Mua HH: 187,371,130,788 đồng.	
	SONHA SSP VIETNAM SOLE MEMBER COMPANY LIMITED	Subsidiary of Son Ha International Joint Stock Company	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHDCĐ	Purchase: 187,371,130,788 VND	
6	Công ty Cổ Phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHDCĐ	Mua HH: 2.170.385.470 đồng.	
	SONHA KITCHEN APPLIANCES SOLE JOINT STOCK COMPANY	Subsidiary of Son Ha International Joint Stock Company	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHDCĐ	Purchase: 2.170.385.470 VND	
7	Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHDCĐ	Mua HH: 3,998,460,544 đồng.	
	SON HA DEVELOPMENT OF RENEWABLE ENERGY JOINT STOCK COMPANY	Subsidiary of Son Ha International Joint Stock Company	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHDCĐ	Purchase: 3,998,460,544 VND	
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	Công ty Ông Lê Hoàng Hà làm Chủ tịch HĐQT.	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHDCĐ	Mua HH: 184,565,032,542 đồng. Bán HH: 2,563,142,208 đồng	
	SON HA GREEN GROUP JOINT STOCK COMPANY	Mr. Le Hoang Ha, Chairman of the Board of Directors, is the Chairman.	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHDCĐ	Purchase: 184,565,032,542 VND Sell: 2,563,142,208 VND	
9	Công ty TNHH MTV Dầu tư Tổng hợp Lê Gia	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội Đồng Quản trị.	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHDCĐ	0 đồng	

	LE GIA GENERAL INVESTMENT ONE MEMBER COMPANY LIMITED	Company related to Chairman of the Board of Directors.	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHĐCĐ	0 VND	
	Công ty cổ phần Đầu tư Công nghệ Sơn Hà Xanh	Công ty liên quan đến Chủ tịch HĐQT.	Năm 2024	Số: 23/2024/NQ-DHĐCĐ	0 đ	
10	SON HA GREEN INVESTMENT TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY	Company related to Chairman of the Board of Directors.	Year 2024	No: 23/2024/NQ-DHĐCĐ	0 VND	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

Các Nghị quyết, quy định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị công ty được Ban điều hành công ty thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

The Executive Board has fully and properly implemented all resolutions and regulations issued by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in accordance with the applicable provisions.

Ghi nhận từ ban kiểm soát là chưa có phát hiện nào không phù hợp.

The Supervisory Board has not identified any non-compliance or irregularities to date.

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

In our opinion, the accompanying consolidated financial statements present fairly, in all material respects, the consolidated financial position of Son Ha Saigon Joint Stock Company as of December 31, 2024, as well as the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended, in accordance with accounting standards, the accounting regime for Vietnamese enterprises, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial*

Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided). Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán năm 2024 đã được Công ty công bố báo cáo tài chính đầy đủ trên Website Công ty tại địa chỉ : <http://sonhasg.com.vn> tại ngày 28/03/2025.

The audited annual financial statements include: Balance sheet; Business performance report; Cash flow statement; Notes to the financial statements in accordance with the law on accounting and auditing in 2024. The Company has published the full financial statements on the Company's website at: <http://sonhasg.com.vn> on March 28, 2025.

Nơi nhận:

Recipients:

- Sở GD&ĐT HCM/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
- Cổ đông (Đăng Website Cty) Shareholders (Published on the Company's Website)
- Lưu: Công ty/ To be filed: Company records

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY

CONFIRMATION BY THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HĐQT/Chairman

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



LÊ HOÀNG HÀ

